

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I



Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 10 năm 2016 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

NIÊM YẾT CỎ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

(Quyết định đăng ký niêm yết số:..... do Sở GDCK TP.HCM cấp ngày.....)

TỔ CHỨC TƯ VẤN :

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Trụ sở chính: Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng: Tòa nhà CT2, số 583 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3845 6329

Fax: (84-4) 3823.1997

Email: pcc1@vnn.vn

Website: <http://pcc1.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209 Website: www.vcsc.com.vn

Sàn giao dịch: Tòa nhà Vinatex – Tài Nguyên, lầu 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Trịnh Văn Tuấn

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84-4) 3845 6329

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 10 năm 2016 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	PC1
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết :	75.262.914 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	752.629.140.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC) – Chi nhánh Hà Nội



Trụ sở chính :	Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	
Điện thoại:	(84-4) 6262 6999	Fax: (84-4) 6278 2688
Website :	www.vcsc.com.vn	

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ:	Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại:	+84 4 3824 1990
Fax:	+84 4 3825 3973

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro kinh tế.....	1
2. Rủi ro về pháp luật.....	3
3. Rủi ro đặc thù, rủi ro ngành.....	3
3.1. <i>Ngành xây lắp điện.....</i>	<i>4</i>
3.2. <i>Sản xuất công nghiệp.....</i>	<i>4</i>
3.3. <i>Ngành sản xuất điện.....</i>	<i>5</i>
3.4. <i>Ngành đầu tư và kinh doanh bất động sản.....</i>	<i>6</i>
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	7
5. Rủi ro khác.....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
1.1. <i>Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....</i>	<i>10</i>
1.2. <i>Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....</i>	<i>10</i>
1.3. <i>Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty.....</i>	<i>12</i>
1.4. <i>Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....</i>	<i>14</i>
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	22
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	27
4.1. <i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.....</i>	<i>27</i>
4.2. <i>Danh sách cổ đông sáng lập.....</i>	<i>27</i>
4.3. <i>Cơ cấu cổ đông.....</i>	<i>27</i>
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.	28

5.1. Danh sách những công ty mẹ của tổ chức niêm yết.....	28
5.2. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	28
5.3. Danh sách những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	28
6. Hoạt động kinh doanh.....	31
6.1. Lĩnh vực kinh doanh.....	31
6.2. Doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm.....	36
6.3. Nguyên vật liệu.....	40
6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh	41
6.5. Trình độ công nghệ.....	44
6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	44
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.....	45
6.8. Hoạt động marketing	45
6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	45
6.10. Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện	46
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	47
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất.....	47
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	50
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	51
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	51
8.2. So sánh tình hình tài chính và hoạt động của các công ty cùng ngành	52
8.3. Triển vọng phát triển của ngành.....	53
8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	53
9. Chính sách đối với người lao động.....	54
9.1. Số lượng người lao động trong công ty	54
9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	54
10. Chính sách cổ tức	55
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	56
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản	56
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	61
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	63

12.1. Hội đồng quản trị.....	63
12.2. Ban Tổng Giám đốc	70
12.3. Ban kiểm soát.....	73
12.4. Kế toán trưởng.....	77
13. Tài sản	78
13.1 Tài sản cố định hữu hình.....	78
13.2 Tài sản là Quyền sử dụng đất	79
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo	82
14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016.....	82
14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	82
14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.....	84
14.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có).....	85
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	85
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.	85
17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	85
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	85
1. Loại cổ phiếu.....	85
2. Mệnh giá.....	85
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết.....	85
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	85
5. Giá niêm yết dự kiến	86
6. Phương pháp tính giá.....	86
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	88
8. Các loại thuế có liên quan.....	89
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	89
1. Tổ chức tư vấn	89
2. Tổ chức kiểm toán	89
VIII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN	90
IX. PHỤ LỤC	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: GDP Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015	1
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	2
Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty	17
Hình 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	22
Hình 5: Trạm Bắc Cạn	31
Hình 6: Kinh khí cầu được điều khiển từ xa.....	31
Hình 7: Cột thép đơn thân.....	32
Hình 8: Dự án Nàng Hương.....	33
Hình 9: Dự án PCC1 Complex	34
Hình 10: Mỹ Đình Plaza 2	34
Hình 11: Thủy điện Trung Thu	34
Hình 12: Thủy điện Bảo Lâm 1	35
Hình 13: Thủy điện Bảo Lâm 3	35
Hình 14: Thủy điện Bảo Lâm 3A	35
Hình 15: Doanh thu giai đoạn 2013 – 6 tháng 2016.....	37
Hình 16: Lợi nhuận gộp	38
Hình 17: Chỉ số giá thép thế giới từ tháng 14/2014 đến tháng 12/2015	41

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 13/10/2016....	27
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 13/10/2016.....	28
Bảng 3: Danh sách công ty PCC1 nắm quyền kiểm soát, chi phối.....	28
Bảng 4: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của PCC1.....	30
Bảng 5: Doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động	36
Bảng 6: Lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động.....	39
Bảng 7: Chi phí nguyên vật liệu giai đoạn 2014 – 6 tháng 2016.....	40
Bảng 8: Nhà cung cấp nguyên vật liệu chính	41
Bảng 9: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh.....	42
Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	43
Bảng 11: Các công trình lớn đang thực hiện	46
Bảng 12: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty từ năm 2014 – 6 tháng đầu năm 2016.....	48
Bảng 13: Khối lượng lưới điện truyền tải xây dựng	50

Bảng 14: So sánh với các công ty cùng ngành theo số liệu BCTC 2015 đã kiểm toán.....	52
Bảng 15: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 13/10/2016.....	54
Bảng 16: Tỷ lệ cổ tức qua các năm.....	55
Bảng 17: Số dư các quỹ	58
Bảng 18: Thông tin chi tiết nợ vay ngắn hạn của Công ty tại 30/06/2016	58
Bảng 19: Thông tin chi tiết nợ vay dài hạn của Công ty tại 30/06/2016	59
Bảng 20: Tình hình công nợ của Công ty	59
Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty.....	61
Bảng 22: Danh sách tài sản của Công ty tại thời điểm 30/06/2016	78
Bảng 23: Một số tài sản máy móc thiết bị Công ty đang sở hữu	79
Bảng 24: Đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng	79
Bảng 25: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức hợp nhất năm 2016	82
Bảng 26: Chi tiết kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	82
Bảng 27: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu	86

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

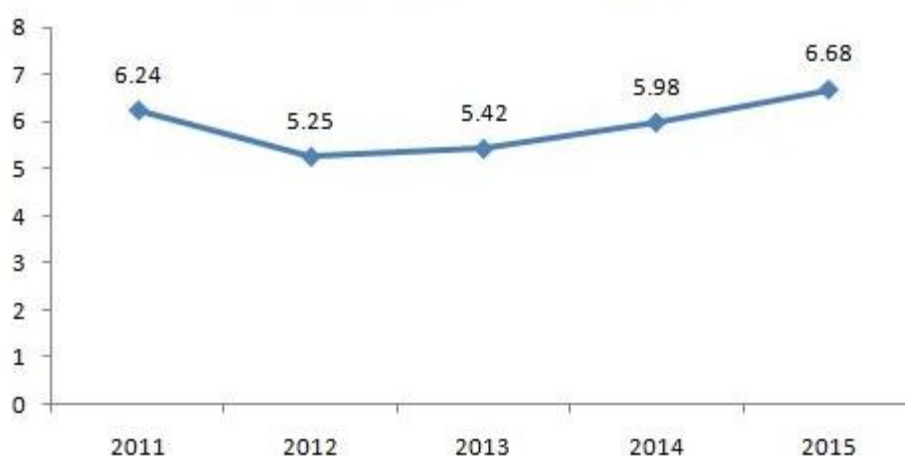
1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Công ty nói riêng. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tăng trưởng kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong 3 năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lần lượt là 5,42% (năm 2013) , 5,98% (năm 2014) và 6,68% (năm 2015). Tốc độ tăng trưởng cải thiện qua các năm cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần lấy lại được đà tăng trưởng nhờ sức mua được cải thiện và hoạt động sản xuất kinh doanh có những chuyển biến tích cực.

Hình 1: GDP Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015

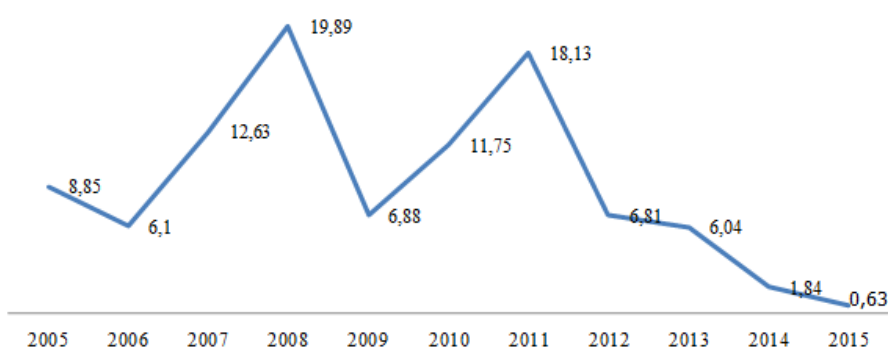


Nền kinh tế khi đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I. Ngoài ra, việc ký kết các Hiệp định thương mại với các nước bao gồm Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazakhstan, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ là điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, về lâu dài sẽ ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, việc hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn cũng đặt ra không ít thách thức cho các doanh nghiệp trong nước do phải đối mặt với áp lực cạnh tranh để giữ vững thị trường truyền thống, thâm nhập và mở rộng thị trường mới. Bên cạnh đó, triển vọng kinh tế dài hạn luôn chịu tác động của nhiều yếu tố biến động khó dự báo mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I.

Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó mà lạm phát trong năm 2014 đã giảm mạnh còn 4,09% từ mức 6,6% năm 2013 và 9,21% năm 2012. Trong năm 2015, mức lạm phát chỉ có 0,63% và là mức thấp nhất kể từ năm 2001 đến nay. Tuy nhiên, lạm phát đang tăng trở lại từ đầu năm 2016 với mức tăng CPI trong sáu tháng đầu năm là 2,35% so với cùng kỳ năm 2015 và 2014 lần lượt là 0,55% và 1,38%.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Việc CPI tăng mạnh trong nửa đầu năm 2016 có thể sẽ chấm dứt tình trạng lạm phát giảm dần trong các năm kể từ 2011 đến nay và bắt đầu một giai đoạn mới theo chiều hướng tăng lên. Trong đó, các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số CPI rõ rệt trong thời gian tới gồm giá cả hàng hóa thế giới có xu hướng tăng, giá dịch vụ y tế giáo dục tiếp tục được điều chỉnh và tăng trưởng tín dụng năm 2016 có thể ở mức cao trên 20% do đầu tư vào lĩnh vực bất động sản gia tăng. Do vậy, nhiệm vụ và mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2016 dưới 5% đặt ra những thách thức không nhỏ đối với Chính phủ và áp lực đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô.

Lãi suất

Mặt bằng lãi suất tăng sẽ kéo theo xu hướng cắt giảm, thu hẹp quy mô và phạm vi của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế, hoặc ngược lại sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. Lãi suất cho vay thấp luôn là động lực khuyến khích doanh nghiệp mở rộng đầu tư, phát triển các hoạt động SXKD và qua đó kích thích tăng trưởng toàn bộ nền kinh tế.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, hiện mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn, các NHTM nhà nước áp dụng lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 9-10%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4-5%/năm.

Ngoài ra, theo Chỉ thị 04 của Thống đốc NH Nhà nước Lê Minh Hưng về một số giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng những tháng cuối năm 2016, các ngân hàng thương mại chủ động cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn để bảo đảm thanh khoản, ổn định lãi suất huy động, có điều kiện giảm lãi suất cho vay. Điều này cho thấy, lãi suất cho vay trong thời gian tới được đảm bảo ổn định và có thể có khả năng giảm.

Riêng đối với Công ty, rủi ro về biến động lãi suất có thể được kiểm soát và hạn chế do cơ cấu nguồn vốn an toàn với giá trị nguồn vốn vay ngắn hạn chiếm khoảng 8% tổng tài sản và nguồn vốn vay dài hạn chiếm khoảng 20% tổng tài sản tại thời điểm 30/6/2016.

Tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam. Trong các năm gần đây, Công ty chỉ có một công ty con là Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh có hoạt động xuất khẩu đối với sản phẩm công nghiệp. Trong giai đoạn đầu tư sắp tới, hoạt động đầu tư thủy điện sẽ dẫn đến nhu cầu nhập khẩu giá trị thiết bị lớn. Do vậy, sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến giá trị đầu tư đối với các gói máy móc thiết bị, từ đó tác động đến hiệu quả đầu tư của dự án.

2. Rủi ro về pháp luật

Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của Công ty phải tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Các văn bản pháp luật chuyên ngành có thể kể đến như Luật Điện lực, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngoài ra, các chính sách của Nhà nước, Chính phủ về các lĩnh vực Công ty đang hoạt động cũng ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty như: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030; Chiến lược phát năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về : các công trình hạ tầng kỹ thuật; về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả; ...

Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù, rủi ro ngành

Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I hoạt động trong trong bốn lĩnh vực chính là xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, đầu tư và kinh doanh bất động sản, và đầu tư thủy điện. Mỗi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh đều có những rủi ro đặc thù khác nhau.

3.1. Ngành xây lắp điện

❖ Rủi ro tự nhiên

PCC1 thực hiện xây lắp các công trình đường dây tải điện và TBA, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông. Việc xây lắp các công trình trên chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại các khu vực có địa hình phức tạp do đó điều kiện thời tiết và địa hình ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả và mức độ an toàn trong lĩnh vực này.

Việc phụ thuộc vào thời tiết và địa hình thi công trong ngành xây lắp điện như thi công ngầm dưới mặt đất, thi công trên vùng đồi núi hiểm trở gây rất nhiều khó khăn và phát sinh rủi ro bởi nguy cơ xảy ra tai nạn lao động. Nhận thức được rủi ro trên, PCC1 luôn chú trọng khâu giám sát an toàn thi công trong quá trình triển khai dự án của mình và tuân thủ các chế độ bảo hiểm cho cả Công ty và người lao động để hạn chế ảnh hưởng của yếu tố rủi ro này đến hoạt động kinh doanh chung của toàn Công ty.

❖ Rủi ro khoa học công nghệ

Ngoài ra, khoa học công nghệ là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến năng lực xây lắp điện của Công ty. Khoa học công nghệ ngày càng phát triển để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong quá trình thi công ngày càng khó khăn. Điều này đòi hỏi Công ty phải luôn cập nhật và đầu tư máy móc thiết bị và nâng cao năng lực vận hành của cán bộ công nhân viên.

❖ Rủi ro cạnh tranh

Tại Việt Nam hiện nay, chỉ có một số ít Công ty có năng lực thi công các công trình điện cao áp đến 500kV bao gồm một số doanh nghiệp đã niêm yết như TCT CP Xây dựng Điện Việt Nam (VNE), CTCP Sông Đà 11 và doanh nghiệp chưa niêm yết như Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 (PCC2); Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4 (PCC4). Trong đó, PCC1 luôn là đơn vị dẫn đầu với doanh thu luôn ở mức cao nhất, nắm giữ hơn 33% thị phần xây lắp điện của cả nước (*Nguồn: PCCI*). Thời điểm cạnh tranh như hiện tại, các đối thủ cạnh tranh đều không ngừng nâng cao năng lực công nghệ và thi công, đây là một động lực thúc đẩy Công ty luôn phải nỗ lực, tự hoàn thiện và nâng cao để giữ vững vị thế dẫn đầu trong ngành xây lắp điện.

3.2. Sản xuất công nghiệp

❖ Rủi ro nguyên liệu đầu vào lĩnh vực thiết kế, chế tạo kết cấu thép mạ kẽm

Công ty chủ yếu sản xuất kinh doanh các thiết bị, kết cấu thép vật liệu và phụ kiện công trình điện, chế tạo thiết bị xây dựng, do đó biến động giá thép ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực hoạt động này của Công ty.

Năm 2015, thị trường thép trong nước có nhiều biến động và chịu nhiều ảnh hưởng bởi xu hướng giảm giá nguyên liệu thế giới (phôi thép, thép phế). Từ tháng 01/2015, các nhà máy thép trong nước liên tục điều chỉnh giảm giá thép xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp của Công ty.

❖ Rủi ro cạnh tranh lĩnh vực thiết kế, chế tạo kết cấu thép mạ kẽm

Sản phẩm sản xuất công nghiệp chủ yếu của Công ty là các cột thép thanh rời và cột điện đơn thân với công suất của công ty con - Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh là 30.000 tấn/năm và nhà máy trực thuộc Công ty - Nhà máy kết cấu thép Yên Thường là 15.000 tấn/năm. Đối thủ cạnh tranh của Công ty về sản xuất kết cấu thép là Công ty TNHH Sản xuất Kết cấu thép Thành Long với công suất 25.000 tấn/năm, Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn với công suất 15.000 tấn/năm, TCT CP Xây dựng Điện Việt Nam với công suất 20.000 tấn/năm. Đây đều là những đối thủ cạnh tranh của Công ty trong cung cấp kết cấu thép cho các công trình.

❖ Rủi ro trong lĩnh vực khai thác khoáng sản

Công ty mới đầu tư góp vốn vào CTCP Gang thép Cao Bằng và CTCP Khoáng sản Tân Phát tại Cao Bằng với tỷ lệ lần lượt là 25,1% và 48,8% vốn điều lệ. Đối với lĩnh vực khai thác khoáng sản, PCC1 phải đối mặt với rủi ro của khoản đầu tư vào công ty con khi hai Công ty trên bị ảnh hưởng bởi rủi ro pháp lý, và rủi ro chính sách. Cụ thể, để thực hiện lĩnh vực khai khoáng sản hai Công ty trên phải được sự cấp phép của Nhà nước và phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

3.3. Ngành sản xuất điện

Với lợi thế nhiều năm kinh nghiệm trong ngành điện, Công ty đang thực hiện đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện tại tỉnh Cao Bằng và Điện Biên. Hiệu quả đầu tư và vận hành các nhà máy thủy điện phụ thuộc nhiều vào yếu tố, trong đó bao gồm yếu tố thời tiết, địa hình tự nhiên và cả chất lượng thi công công trình.

❖ Rủi ro tự nhiên

Thời tiết và địa hình tự nhiên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thi công nhà máy thủy điện mà còn ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh điện của các nhà máy. Trường hợp thời tiết xấu và địa hình hiểm trở, tiến độ thi công bị chậm sẽ kéo dài thời gian đi vào hoạt động của nhà máy và làm tăng đáng kể chi phí lãi vay của dự án, giảm hiệu quả sử dụng vốn. Mặt khác, trường hợp hạn hán kéo dài dẫn đến giảm lượng mưa và mực nước trên các sông hồ, đập gần nhà máy thủy điện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lượng điện sản xuất. Nhận thức được điều này, Công ty luôn cùng với các chuyên gia thực hiện đo đạc, theo dõi thủy văn trong nhiều năm trước khi quyết định đầu tư.

❖ Rủi ro thi công

Quá trình xây dựng công trình và lắp máy đòi hỏi tính chính xác và an toàn cao về mặt kỹ thuật. Để giảm thiểu tối đa rủi ro này, trước, trong và sau quá trình thi công xây dựng, Công ty đều có giám sát, kiểm tra đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình và máy móc thiết bị.

❖ Rủi ro cạnh tranh

Công ty mới thực hiện đầu tư các dự án thủy điện tại Cao Bằng và Điện Biên cuối năm 2014. Dự kiến dự án thủy điện Trung Thu và Bảo Lâm 1 sẽ phát điện trong quý IV năm 2016. Việt Nam là đang phát triển nhu cầu sử dụng điện ngày càng tăng, ước tính GDP tăng 1% thì nhu cầu sử dụng

điện tăng 2%. Trong những năm gần đây giá điện Việt Nam liên tục tăng kèm theo đó giá mua điện của EVN cũng tăng tương ứng.

3.4. Ngành đầu tư và kinh doanh bất động sản

Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản phải đối mặt với những yếu tố rủi ro đặc thù ngành như rủi ro pháp lý dự án, rủi ro đền bù giải phóng mặt bằng, rủi ro cạnh tranh và rủi ro biến động các yếu tố đầu vào.

❖ Rủi ro pháp lý dự án

Các thủ tục pháp lý và hành chính cho mỗi dự án bất động sản luôn là vấn đề mà các doanh nghiệp phải chú trọng. Công ty có thể gặp rủi ro về khả năng và tiến độ thực hiện dự án nếu việc xin giấy phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến hoặc nếu có thay đổi trong quy hoạch chung của địa phương, đặc biệt là đối với các yếu tố liên quan đến giao thông, mật độ dân cư, mục đích sử dụng đất.

❖ Rủi ro đền bù giải phóng mặt bằng

Đây là rủi ro đặc thù của lĩnh vực kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Trên thực tế, nhu cầu về đất xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở... ngày càng gia tăng trong khi quỹ đất vốn hạn chế lại đang ngày càng bị thu hẹp, đặc biệt tại các đô thị lớn. Đối với đất quy hoạch cho các dự án bất động sản đang được sử dụng, khai thác bởi dân cư, công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp, kéo dài và tiềm ẩn nhiều tranh chấp pháp lý. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định và có giá trị lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu tư của doanh nghiệp.

Với chủ trương chỉ thực hiện các dự án bất động sản trên quỹ đất của Công ty quản lý hoặc khu đất có mặt bằng sạch, Công ty có thể chủ động hạn chế được tối đa rủi ro về đền bù giải phóng mặt bằng.

❖ Rủi ro cạnh tranh

Phát triển kinh tế và gia tăng dân số khiến hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản trở thành một lĩnh vực thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia. Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng tăng, trong đó có sự tham gia ngày càng nhiều của các tập đoàn phát triển bất động sản nước ngoài có tiềm lực mạnh về tài chính, nhân lực và kinh nghiệm, khiến môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn.

Hiện nay, tính riêng trên địa bàn Hà Nội, có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản sở hữu nhiều dự án có quy mô lớn. Phân khúc nhà ở cao cấp có thể kể đến các doanh nghiệp như Tân Hoàng Minh, Vingroup, CapitaLand, trong khi Viglacera, HUD, Mường Thanh, Him Lam là những nhà đầu tư đánh dấu tên tuổi trong phân khúc thấp hơn. Những doanh nghiệp này đều là những đối thủ cạnh tranh tiềm tàng của Công ty trong việc thu hút khách hàng, tạo sức ép lên giá bán và cạnh tranh trong quá trình nghiên cứu, triển khai dự án mới.

❖ Rủi ro các yếu tố đầu vào

Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án bất động sản, giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công, tình hình thanh toán công nợ có tác động trực tiếp đến dự báo chi phí của mỗi dự án. Mỗi biến động không được dự báo trước của các yếu tố đầu vào sẽ làm thay đổi kế hoạch dòng tiền, lợi nhuận dự án của Công ty. Việc PCC1 tự triển khai các dự án bất động sản góp phần giảm thiểu chi phí trung gian, chủ động kiểm soát chi phí và chất lượng thi công, tạo uy tín thương hiệu trên thị trường và hạn chế được một phần rủi ro biến động giá và nguồn cung cấp các yếu tố đầu vào.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, các cổ đông của Công ty và Công ty sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu PCC1. Ngoài các yếu tố thuộc về nội tại doanh nghiệp như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhiều yếu tố bên ngoài khác như các yếu tố thuộc về kinh tế vĩ mô, thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, các sự kiện khác không lường trước được có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá cổ phiếu. Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín và việc huy động vốn của Công ty, đồng thời gây thiệt hại cho cổ đông của Công ty.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Ông Trịnh Văn Tuấn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hải Hà Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Bà Trần Thị Minh Việt Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Quang Bảo

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Giấy Ủy quyền số 07/2015/QĐ.VCSC ngày 01/07/2015 về việc ủy quyền Phó Tổng Giám đốc ký thay Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I. Chúng tôi

đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Công ty	Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I
PCC1	Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
Người có liên quan	Gồm cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định của pháp luật
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DTT	Doanh thu thuần
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TSCĐ	Tài sản cố định
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
HOSE	Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
DTT	Doanh thu thuần
VCSH	Vốn chủ sở hữu
EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
ROA	LNST/Tổng tài sản bình quân
ROE	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
CTCP	Công ty Cổ phần
CP	Cổ phần
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
Cổ phiếu	Chứng chỉ do CTCP Xây Lắp Điện I phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần CTCP Xây Lắp Điện I

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I**
- Tên tiếng Anh: **POWER CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY NO. 1**
- Tên viết tắt: **PCC1**
- Trụ sở chính: **Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
- Văn phòng: **Tòa nhà CT2, số 583 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.**
- Điện thoại: **(84-4) 3845.6329**
- Fax: **(84-4) 3823.1997**
- Website: **<http://pcc1.vn/>**
- Logo:



- Vốn điều lệ đăng ký: **752.629.140.000 đồng** (Bảy trăm năm hai tỷ, sáu trăm hai chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: **752.629.140.000 đồng** (Bảy trăm năm hai tỷ, sáu trăm hai chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 10 năm 2016 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Xây lắp điện I được thành lập từ ngày 02/03/1963, với tên gọi ban đầu là Công ty Xây lắp đường dây và trạm. Trải qua trên 50 năm xây dựng và phát triển, từ nhiệm vụ trọng tâm ban đầu là xây lắp các công trình truyền tải điện quốc gia, PCC1 hiện nay đã chứng tỏ năng lực của mình trong các lĩnh vực kinh tế khác nhau và được xếp hạng thứ 185 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam với quy mô hơn 20 đơn vị thành viên và đạt doanh thu trên 3000 tỷ đồng trong năm 2014 và 2015.

❖ Giai đoạn 1967 – 1970:

Ngày 30/6/1967, Bộ Công Nghiệp Năng ra quyết định thành lập Công ty Xây lắp đường dây và Trạm, trực thuộc Cục Điện lực.

❖ Giai đoạn 1970 – 1975:

Ngày 30/6/1970, Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm trực được thành lập là công ty trực thuộc Bộ Điện và Than. Từ đó, Công ty được xếp loại là đơn vị ngang Cục và là cơ quan quản lý cấp trên của các xí nghiệp, thực hiện hạch toán kinh tế toàn diện và tập trung.

❖ **Giai đoạn 1975 – 1979:**

Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức độc lập. Trong giai đoạn này, Công ty hoàn thành xuất sắc hai đường dây 220kV Hà Đông – Hoà Bình và đường dây 220kV Thanh Hoá – Vinh, đánh dấu năng lực xây dựng đường dây 220kV.

❖ **Giai đoạn 1979 – 1988:**

Công ty được đổi tên thành Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 1. Năm 1983, một số đơn vị trực thuộc Công ty được tách ra để thành lập các công ty trực thuộc Bộ Điện Lực bao gồm Công ty Xây lắp đường dây và trạm 4 đóng tại Đông Anh, Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm khu vực Hà Nội, Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 3 đóng tại Vinh, Công ty Xây lắp điện 5 đóng tại Vinh.

❖ **Giai đoạn 1988 – 2005:**

Trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp điện Đường dây và Trạm 1 với Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm Hà Nội, Công ty Xây lắp điện I được thành lập vào năm 1988 và là doanh nghiệp trực thuộc Bộ Năng Lượng. Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty lần lượt trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam (thuộc Bộ Công Nghiệp).

❖ **Giai đoạn 2005 đến nay:**

Năm 2005, Công ty cổ phần Xây lắp điện I được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Xây lắp điện I thuộc Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam. Năm 2008, Công ty cổ phần Xây lắp điện I đăng ký trở thành Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Tại thời điểm sau cổ phần hóa, Công ty đã gặp phải nhiều khó khăn do tư duy quản lý cũ và không phù hợp với mô hình hoạt động. Trước tình hình đó, lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn thay đổi tư duy và áp dụng phương pháp quản trị doanh nghiệp theo hướng hiệu quả bao gồm:

- Giải quyết vấn đề xây dựng chiến lược định hướng về sản phẩm;
- Xác định đổi mới công nghệ: đầu tư đồng bộ thiết bị sản xuất cột đơn thân 110kV, 220kV; đầu tư thiết bị máy móc tại Nhà máy Yên Thường; hoàn thành kế hoạch đầu tư đồng bộ thiết bị thi công kéo dây hiện đại cho các đường dây 500kV, 220kV.

Từ nhà thầu xây lắp, Công ty đã vươn lên trở thành nhà tổng thầu xây lắp điện trong việc thực hiện các hợp đồng EPC và hợp đồng xuất khẩu.

Công ty là đơn vị duy nhất tại Việt Nam có khả năng vừa thiết kế, chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cột thép thanh rời đến 750kV và cột điện đơn thân 220 kV có 1, 2, 4 mạch mạ kẽm nhúng nóng.

Trong giai đoạn 2009 – 2013, Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu trung bình hàng năm trên 15%, với doanh thu hàng năm trên 1.000 tỷ đồng.

Tháng 11 năm 2012, Công ty đã vinh dự được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

Năm 2014 đã đánh dấu một bước phát triển mới khi Công ty đạt mức doanh thu trên 3.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế trên 400 tỷ đồng.

Năm 2015 là năm thứ 5 liên tiếp PCC1 hoàn thành vượt mức kế hoạch, cụ thể thực hiện 2015 đạt 106% so với kế hoạch 2015. Giai đoạn 2012 đến 2015 tăng trưởng doanh thu trung bình của PCC1 đạt 32,3%/năm; tăng trưởng lợi nhuận gộp trung bình 36,4%/năm và biên lợi nhuận gộp đạt tỷ lệ từ 14% - 21%.

Năm 2016 là năm PCC1 bắt đầu triển khai chiến lược phát triển 2016-2020, Tầm nhìn 2030 - Mục tiêu phấn đấu trở thành Công ty hàng đầu Việt nam, top 5 khu vực Đông nam Á - thực hiện tổng thầu các công trình điện và công trình công nghiệp.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ khi cổ phần hóa của Công ty năm 2005 khi đăng ký doanh nghiệp lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần là 50.000.000.000 đồng. Đến nay vốn điều lệ của Công ty là 752.629.140.000 đồng (Bảy trăm năm hai tỷ, sáu trăm hai chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng). Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

❖ **Đợt 1: Tháng 8 năm 2008 tăng vốn từ 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng) lên 66.670.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu đồng) thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu:**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ sau phát hành: 66.670.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu đồng)
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 1.667.000 cổ phiếu
- Mục đích: Đầu tư dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương.

❖ **Đợt 2: Tháng 9 năm 2009 tăng vốn từ 66.670.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu đồng) lên 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ:**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 66.670.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 3.333.000 cổ phiếu
- Mục đích: Đầu tư giai đoạn 2 dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

❖ **Đợt 3: Tháng 2 năm 2011 tăng vốn từ 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) lên 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng) thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 100.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau phát hành 140.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 4.000.000 cổ phiếu
- Mục đích: Huy động vốn đầu tư cho dự án Mỹ Đình và các dự án đầu tư khác.
- ❖ **Đợt 4: Tháng 6 năm 2013 tăng vốn từ 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng) lên 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng) thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 140.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 180.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 4.000.000 cổ phiếu, trong đó:
 - Tổng số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu: 2.700.000 cổ phiếu
 - Tổng số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 1.300.000 cổ phiếu
- Mục đích: Phát hành để trả cổ tức và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- ❖ **Đợt 5: Tháng 7 năm 2014 tăng vốn từ 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng) lên 201.000.000.000 đồng (Hai trăm linh một tỷ đồng) thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 180.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 201.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 2.100.000 cổ phiếu
- Mục đích: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- ❖ **Đợt 6: Tháng 11 năm 2015 tăng vốn từ 201.000.000.000 đồng (Hai trăm linh một tỷ đồng) lên 341.694.850.000 đồng (Ba trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi đồng) thông qua việc phát hành và trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 201.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 341.694.850.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 14.069.485 cổ phiếu, trong đó:
 - Tổng số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu: 10.049.784 cổ phiếu
 - Tổng số lượng cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu: 4.019.701 cổ phiếu
- Mục đích: Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

- ❖ **Đợt 7: Tháng 6 năm 2016 tăng vốn từ 341.694.850.000 đồng (Ba trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi đồng) lên 637.821.960.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) thông qua việc thưởng cổ phiếu và trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 341.694.850.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 637.821.960.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 29.612.711 cổ phiếu, trong đó:
 - Tổng số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu: 6.833.810 cổ phiếu
 - Tổng số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu: 22.779.368 cổ phiếu
 - Mục đích: Phát hành để trả cổ tức và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- ❖ **Đợt 8: Tháng 8 năm 2016 tăng vốn từ 637.821.960.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng) lên 752.629.140.000 đồng (Bảy trăm năm mươi hai tỷ, sáu trăm hai mươi chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) thông qua việc phát hành riêng lẻ**
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 637.821.960.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 752.629.140.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 11.480.718 cổ phiếu
 - Mục đích: Huy động vốn để thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Bảo Lâm 3.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xây lắp điện I hiện nay là 752.629.140.000 đồng. Theo Nghị quyết số 03/NQ-PCC1-ĐHĐCĐ ngày 19/8/2016 của Đại hội đồng cổ đông CTCP Xây Lắp Điện I về việc Chào bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán, trước khi toàn bộ cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ không thực hiện chào bán riêng lẻ cho bất kỳ nhà đầu tư nào ngoại trừ đợt chào bán riêng lẻ này, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động hoặc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Số lượng cổ đông của Công ty cổ phần Xây Lắp Điện I tại ngày chốt danh sách nộp hồ sơ đăng ký niêm yết là 686 người.

1.4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

- ❖ **Ngành nghề kinh doanh:** Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 10 năm 2016 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

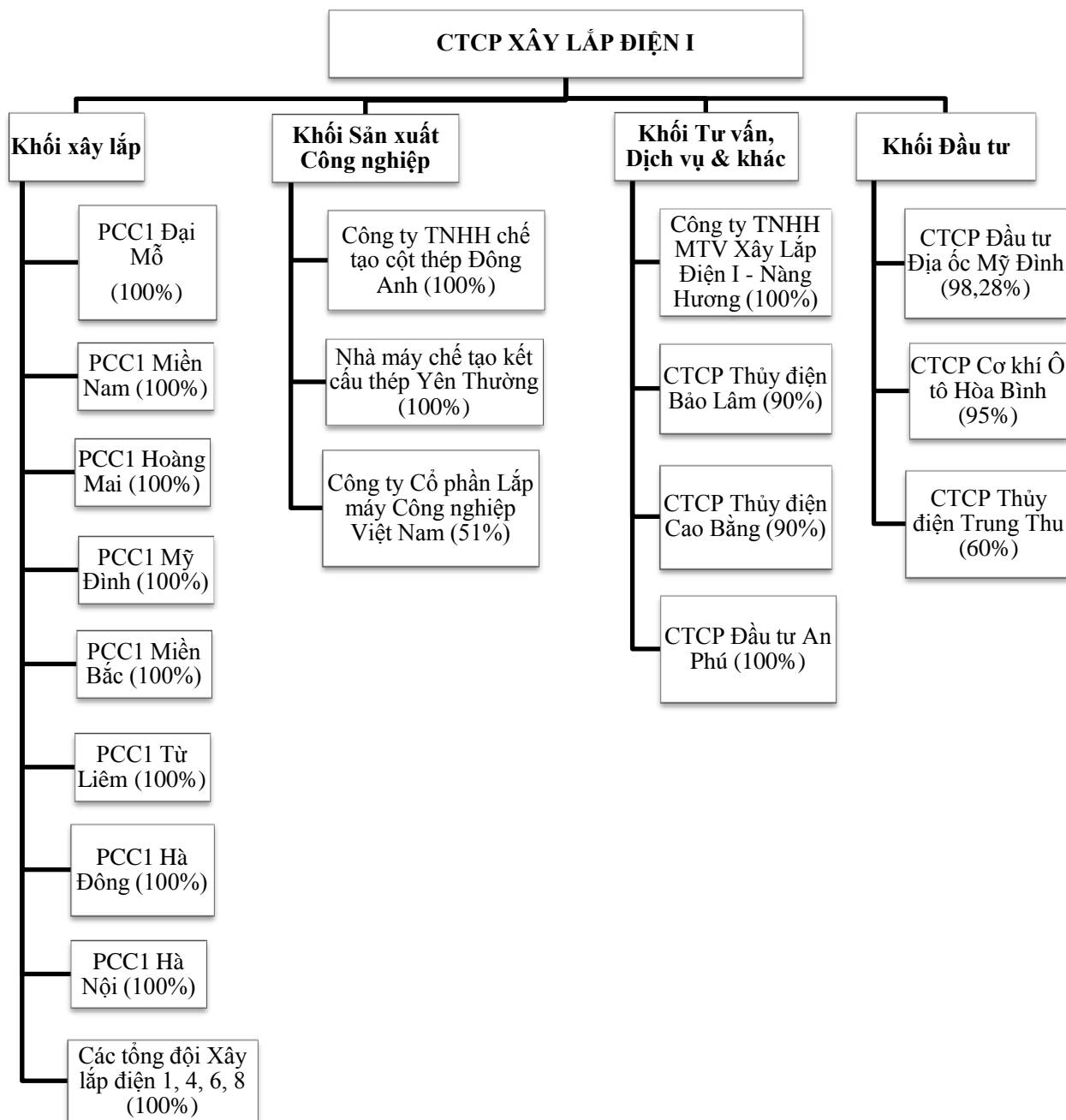
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.	6810
2	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng	6820
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng; Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện	7110
4	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo nghề xây lắp điện	8532
5	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cầu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;	3290
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;	4290
7	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8399
10	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác, chế biến đá các loại	0810
11	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
14	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình	7490

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16	Khai thác quặng sắt	0710
17	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
18	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
19	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20	Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại	4933
21	Vận hành hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
22	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649
23	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện; động cơ điện; dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	
25	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.	4741

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Xây Lập Điện I được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Công ty tính đến thời điểm 13/10/2016 như sau:

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty



Khôi Xây lắp:**+ 08 công ty TNHH một thành viên xây lắp điện:****1) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Đại Mỗ**

- Địa chỉ: Phố Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105514387
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện

2) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Nam

- Địa chỉ: Cao ốc An Khang, số 28 đường 19 khu phố 5, phường An Phú, quận 2, TP Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305599821
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện

3) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hoàng Mai

- Địa chỉ: Số 471 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104770469
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện

4) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Mỹ Đình

- Địa chỉ: Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103985486
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện

5) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Bắc

- Địa chỉ: Phố Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105802071
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện

6) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Từ Liêm

- Địa chỉ: Tổ 19, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106052368
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện

7) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Đông

- Địa chỉ: Thôn Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 5.942.874.315 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106053499
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện

8) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Nội

- Địa chỉ: Số 583 Km 9, Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500581803
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp điện

 Các tổng đội xây lắp điện:**1) Tổng đội xây lắp điện 1**

Địa chỉ: Phường Ninh Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

2) Tổng đội xây lắp điện 4

Địa chỉ: 241 đường Hoàng Tăng Bí, Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

4) Tổng đội xây lắp điện 6

Địa chỉ: Đội 5 xã Mai Sơn, huyện Yên mô, tỉnh Ninh Bình

5) Tổng đội xây lắp điện 8

Địa chỉ: Phố chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Khối Sản xuất công nghiệp:**1) Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh**

- Địa chỉ: Tổ 23, thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 51.257.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100113906
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan và cung cấp dịch vụ về mạ, mua bán thép, kẽm và vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép, mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện.

2) Nhà máy chế tạo kết cấu thép Yên Thường

- Địa chỉ: Thôn Yên Khê, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan và cung cấp dịch vụ về mạ, mua bán thép, kẽm và vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép, mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện.

3) Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam

- Địa chỉ: Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 51%
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106885962
- Lĩnh vực kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Khối Tư vấn, Dịch vụ & khác:**1) Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện I – Nàng Hương**

- Địa chỉ: Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 725.509.851 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104236835
- Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; bán lẻ; dịch vụ nhà hàng, ăn uống; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

2) Công ty Cổ phần Thủy điện Bảo Lâm

- Địa chỉ: Thôn Nà Pòng, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, Cao Bằng
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 90% vốn điều lệ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800876241;
- Ngành nghề kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

3) Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Cao Bằng

- Địa chỉ: Số 40, 42, phố Thầu, tổ 31, phường Hợp Giang, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 90% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800876234;
- Ngành nghề kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

4) Công ty Cổ phần Đầu tư An Phú

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 100% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0123024503
- Ngành nghề kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): Chuẩn bị mặt bằng, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Khởi Đầu tư:

1) Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình

- Địa chỉ: Thôn Đình Thôn, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 98,28% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105045664
- Ngành nghề kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

2) Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình

Lưu ý: CTCP Xây lắp điện I hoàn tất việc mua lại 95% vốn điều lệ của CTCP Cơ khí Ô tô Hòa Bình vào tháng 9/2016.

- Địa chỉ: 44 Triều Khúc, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Vốn điều lệ: 11.812.700.000 đồng
- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 95% vốn điều lệ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104034

- Ngành nghề kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): Sản xuất xe có động cơ.

3) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Thu

- Địa chỉ: Số nhà 157, Tổ dân phố 16, phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

- Vốn điều lệ: 252.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ CTCP Xây Lắp Điện I sở hữu: 60% vốn điều lệ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600185792

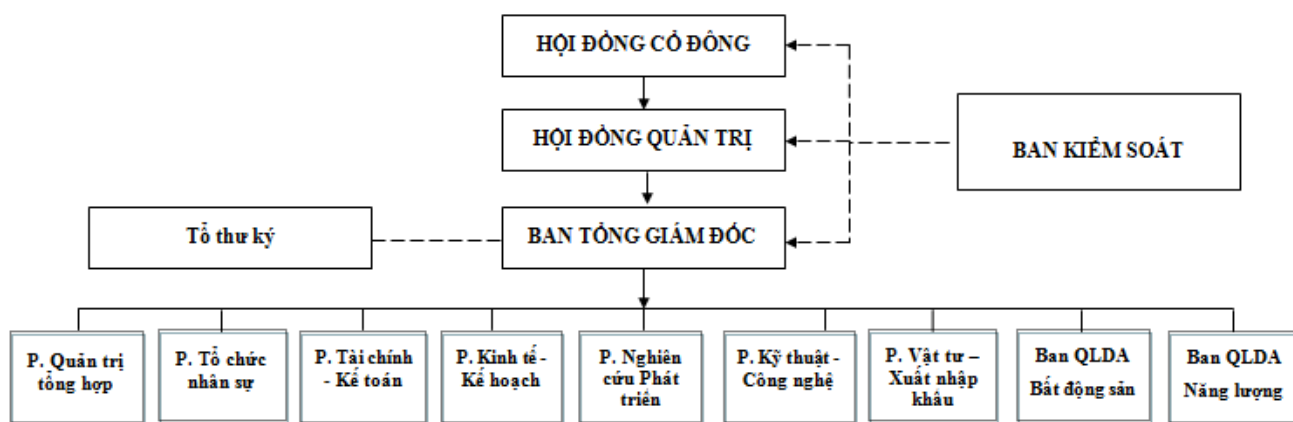
- Ngành nghề kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế, tổng dự toán các công trình thủy điện.

Lưu ý: Công ty Cổ phần Hóa Phẩm phụ gia Việt Nam đang làm thủ tục giải thể do vậy PCCI không để CTCP Hóa Phẩm phụ gia Việt Nam trong Sơ đồ cơ cấu tổ chức.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Xây Lắp Điện I được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Công ty.

Hình 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các nội dung sau đây:

- Các báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;

- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;
- Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế khác;

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chỉ đạo và quản lý hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng quản trị bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của các cán bộ quản lý Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau :

- Ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT
- Ông Vũ Văn Tứ - Thành viên
- Ông Võ Hồng Quang - Thành viên
- Ông Nguyễn Minh Đệ - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên

❖ Ban kiểm soát

BKS do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ. Cơ cấu BKS hiện nay của Công ty như sau :

- Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên
- Ông Nguyễn Quang Vũ - Thành viên

❖ Ban Tổng Giám đốc

Công ty có một Tổng giám đốc điều hành và một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và

trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 06 thành viên sau:

- Ông Trịnh Văn Tuấn - Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Văn Tứ - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đặng Văn Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Võ Hồng Quang - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Nhật Tân - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Đệ - Phó Tổng Giám đốc

❖ Các phòng ban

Phòng Quản trị Tổng hợp

Phòng Quản trị Tổng hợp có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty và hỗ trợ các đơn vị thành viên về ảnh hưởng của những quy định pháp luật liên quan tới hoạt động quản trị điều hành, hoạt động nghiệp vụ nhằm đảm bảo mục tiêu tiến hành hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của công ty; quản lý và thực hiện chức năng thư ký, trợ lý công ty, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD.

Phòng Tổ chức – Nhân sự

Phòng Tổ chức – Nhân sự đảm nhiệm các chức năng: tham mưu cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác xây dựng cơ cấu tổ chức khoa học hiệu quả trong triển khai Chiến lược phát triển Công ty; công tác tiền lương, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật; công tác văn phòng, hành chính, quản trị, chăm sóc sức khỏe cán bộ công nhân viên, theo dõi, tổng hợp và quản lý tình hình hoạt động của Công ty; công tác đối ngoại và đối nội; công tác tiền lương, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Phòng Tổ chức – Nhân sự là bộ phận giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của CBCNV theo sự phân cấp của Công ty; Quản lý xe ô tô con của Công ty và giúp Tổng giám đốc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các hoạt động chuyên môn của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.

Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán là đầu mối tổ chức tuần hoàn và chu chuyển vốn nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất và có nhiệm vụ chủ yếu bao gồm: quản lý và thực hiện công tác tài chính hàng năm; công tác kế toán; và quản lý tài sản của Công ty.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là có chức năng:

- Tham mưu cho Tổng giám đốc quản lý công tác lập, duyệt, giao kế hoạch, điều hành có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tham mưu giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý đầu thầu công trình và quản lý các hợp đồng (xây dựng, chế tạo...), các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, thẩm định các dự án đầu tư, xây dựng nội bộ của các đơn vị trực thuộc.
- Hướng dẫn bộ máy cán bộ kinh tế, kế hoạch về mặt nghiệp vụ của toàn Công ty.
- Giúp Tổng giám đốc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các hoạt động chuyên môn của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.

Phòng Nghiên cứu Phát triển

Phòng Nghiên cứu Phát triển phụ trách công tác nghiên cứu thị trường nhằm tìm kiếm và lựa chọn các cơ hội đầu tư đồng thời mở rộng thị trường và tiêu thụ sản phẩm trong những nội dung sau:

- Phạm vi sản phẩm, ngành nghề Công ty đang kinh doanh.
- Nghiên cứu các sản phẩm mới.
- Nghiên cứu chuyên đề mua bán, sáp nhập, liên danh liên kết.
- Thực hiện đầu thầu và quản lý một số hợp đồng có tính chất đặc thù.
- Thực hiện giới thiệu, quảng bá sản phẩm và thương hiệu Công ty.
- Quản lý hệ thống phần mềm công nghệ thông tin ứng dụng trong quản lý Công ty.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ

Phòng Kỹ thuật – Công nghệ có chức năng và nhiệm vụ: quản lý công tác kỹ thuật, công nghệ của Công ty; điều hành về mặt nghiệp vụ bộ máy cán bộ kỹ thuật của toàn Công ty; chuẩn bị hồ sơ kỹ thuật các công trình để phục vụ cho việc khai thác công trình và tìm kiếm việc làm; quản lý kỹ thuật, dụng cụ thi công của toàn Công ty; quản lý, xây dựng tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, cấp bậc thợ các ngành nghề trong Công ty; quản lý công tác giảng dạy, thi nâng bậc công nhân kỹ thuật trong Công ty; tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, vệ sinh công nghiệp và môi trường; thanh tra giám sát việc thực hiện công tác an toàn lao động trong Công ty; và là đầu mối tổng hợp thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu

Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu là phòng đầu mối giải quyết vấn đề cấp phát vật tư và thiết bị thi công trên cơ sở dự báo vật tư thi công, với các mục tiêu chính:

- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc thu mua, tiếp nhận, bảo quản cung ứng vật tư, thiết bị cho thi công công trình đủ số lượng, đúng chất lượng, đúng thời gian theo yêu cầu thi công của công trình;
- Thực hiện chức năng xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị; giúp Tổng giám đốc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các hoạt động chuyên môn của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.

Ban Quản lý dự án Bất động sản

Ban Quản lý dự án Bất động sản tham mưu cho Công ty, với tư cách là Chủ đầu tư, quản lý thực hiện dự án bất động sản của công ty theo các giai đoạn: chuẩn bị đầu tư, đầu tư và sau đầu tư như:

Dự án Khu nhà ở dịch vụ và thương mại Nàng Hương, Trung tâm thương mại và nhà ở Mỹ Đình, Dự án PCC1 Complex.

Ban Quản lý Dự án Năng lượng

Ban Quản lý Dự án Năng lượng có chức năng tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty về đầu tư các Nhà máy điện theo các giai đoạn: chuẩn bị đầu tư; Quản lý đầu tư; Bàn giao cho đơn vị vận hành sau đầu tư; Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty nghiên cứu, phát triển dự án năng lượng mới; Thực hiện chức năng Quản lý dự án và Tư vấn giám sát đối với các dự án năng lượng do công ty là Chủ đầu tư hoặc Công ty là nhà thầu tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát; Tham mưu và chủ trì soạn thảo Quy trình quản lý chất lượng công trình thuộc lĩnh vực quản lý để trình Công ty phê duyệt, ban hành; Giúp Tổng giám đốc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các hoạt động quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện đối với các công ty quản lý nhà máy điện.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 13/10/2016

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	CMND/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trịnh Văn Tuấn	57 Tổ 13, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội	012298607	15.679.922	20,83%
2	Vietnam Enterprise Investments Limited	1501 Me Linh Point, số 2 Ngõ Đúc Ké, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	CR-59397	11.480.718	15,25%
	Tổng cộng			27.160.640	36,09%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại thời điểm 13/10/2016

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần hóa từ năm 2005 nên đến thời điểm hiện tại, các qui định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 13/10/2016

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	685	63.781.764	84,745%
	- Cổ đông cá nhân	684	63.751.674	84,705%
	- Cổ đông tổ chức	01	30.090	0,040%
2	Cổ đông nước ngoài	01	11.480.718	15,254%
	- Cổ đông cá nhân	0	0	0%
	- Cổ đông tổ chức	01	11.480.718	15,254%
3	Cổ phiếu quỹ		432	0,001%
TỔNG CỘNG		686	75.262.914	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại thời điểm 13/10/2016

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

5.1. Danh sách những công ty mẹ của tổ chức niêm yết

Không có.

5.2. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Không có.

5.3. Danh sách những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Bảng 3: Danh sách công ty PCC1 nắm quyền kiểm soát, chi phối

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	VĐL (triệu đồng)	VĐL thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PCC1
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Đại Mỗ	Thôn chợ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Xây lắp điện	5.000	5.000	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Nam	Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19 khu phố 5, phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	Xây lắp điện	15.000	15.000	100%

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	VĐL (triệu đồng)	VĐL thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PCC1
3	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hoàng Mai	Số 471 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Xây lắp điện	5.000	5.000	100%
4	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Mỹ Đình	Số 138 Trần Bình, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Xây lắp điện	5.000	5.000	100%
5	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Bắc	Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Xây lắp điện	5.000	5.000	100%
6	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Từ Liêm	Tổ 19, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Xây lắp điện	5.000	5.000	100%
7	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Đông	Thôn Văn La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp điện	5.943	5.943	100%
8	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Nội	Số 583 Km 9, Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Q.Hà Đông, TP Hà Nội	Xây lắp điện	5.000	5.000	100%
9	Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh	Tổ 23, thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	Sản xuất và mua bán các cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện; dịch vụ về mạ, mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép, mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện	51.257	51.257	100%
10	Công ty Cổ phần Lắp máy công nghiệp Việt Nam	Số 138 Trần Bình, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	5.000	5.000	51,00%
11	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Nàng Hương	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội	Dịch vụ	725,5	725,5	100%

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	VĐL (triệu đồng)	VĐL thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PCC1
12	Công ty Cổ phần Thủy điện Bảo Lâm (*)	Thôn Nà Pồng, Xã Lý Bôn, Huyện Bảo Lâm, Cao Bằng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	80.000	0	90,00%
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Cao Bằng (*)	Số 40, 42, phố Thầu, tổ 31, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Cao Bằng	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện	50.000	0	90,00%
14	Công ty Cổ phần Địa ốc Mỹ Đình	Thôn Đình Thôn, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	180.000	163.482	98,28%
15	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phú	Cụm CN Tân Tiến, xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	Chuẩn bị mặt bằng, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	4.000	4.000	100%
16	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	44 Triều Khúc, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	Sản xuất xe có động cơ	11.812,7	11.812,7	95%
17	Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Thu	Số nhà 157, Tổ dân phố 16, Phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện	252.000	252.000	60%

Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

(*) Công ty mới thành lập nhằm mục tiêu quản lý và vận hành các nhà máy thủy điện, hiện tại chưa đi vào hoạt động.

Bảng 4: Danh sách công ty liên doanh, liên kết của PCC1

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	VĐL (triệu đồng)	VĐL thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PCC1
1	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Đường Hồng Việt, phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	430.064	430.064	25,1%
2	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát	Tổ 22, Phường Sông Bằng, Thành phố Cao Bằng, Cao Bằng	Thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản, khai thác quặng sắt, bán buôn kim loại và quặng kim loại	80.000	80.000	48,8%

Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

6. Hoạt động kinh doanh

6.1.Lĩnh vực kinh doanh

Trải qua trên 50 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Xây Lắp Điện I hiện nay tập trung vào bốn lĩnh vực hoạt động chính bao gồm xây lắp điện; sản xuất công nghiệp; đầu tư dự án thủy điện; đầu tư và kinh doanh bất động sản với địa bàn hoạt động trải khắp ba miền Bắc, Trung, Nam Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các dự án xây lắp tại Lào và hợp tác kinh doanh thành công với nhiều đối tác đến từ Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.

6.1.1. Xây lắp điện

Tiền thân là Công ty Xây lắp đường dây và trạm, PCCI đã phát huy được truyền thống 50 năm kinh nghiệm, thực hiện xây lắp hàng chục nghìn km đường dây từ 110 kV, 220 kV đến 500 kV, hàng trăm nghìn km đường dây 35 kV cùng nhiều dự án trạm biến áp 500 kV, khẳng định vị thế hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực xây lắp điện.

Thế mạnh của Công ty là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng hệ thống máy móc thiết bị áp dụng công nghệ tiên tiến cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500 kV như: thiết bị kéo hãm đồng bộ, khinh khí cầu được điều khiển từ xa, thiết bị bay Navi - Fly áp dụng trong thi công kéo dây cao áp và dây siêu cao áp, thiết bị thi công nóng đường dây cao áp, máy thổi khô không khí phục vụ cho việc lắp đặt máy biến áp 500 KV...

Việc đầu tư đồng bộ thiết bị thi công kéo dây hiện đại bằng khinh khí cầu đã hỗ trợ PCCI hoàn thành việc kéo dây cho công trình đường dây 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây, đường dây 220kv Đắc Nông - Phước Long - Bình Long, đường dây 500kv Pleiku-Mỹ Phước - Cầu Bông, dự án đưa điện lưới ra huyện đảo Cô Tô. Đây là bước đột phá quan trọng trong lĩnh vực đầu tư lưới điện, truyền tải điện, nâng cao năng lực xây lắp, nhất là tại những khu vực có địa hình phức tạp, hiểm trở và tiết kiệm chi phí thi công cho chủ đầu tư, khẳng định vị thế số 1 của PCCI trên thị trường.



Hình 5: Trạm Bắc Cạn



Hình 6: Khinh khí cầu được điều khiển từ xa

Máy thổi khô không khí, thành tựu Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I – Hoàng Mai, đã đưa PCC1 trở thành đơn vị đầu tiên trong cả nước sử dụng thiết bị để xử lý cách điện ẩm của máy biến áp và các thiết bị điện 500kV. Sáng kiến này đã được áp dụng thành công tại Trạm Biến Áp 500kV Quảng Ninh, Trạm Biến Áp 500kV Thường Tín, Trạm Biến Áp 500kV Ô Môn... Máy thổi khô không khí giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí do không phải nhập thiết bị từ nước ngoài.

Trên cơ sở chiến lược nâng cao năng lực xây lắp điện, PCC1 thực hiện các hợp đồng theo hình thức thiết kế, cung cấp và xây dựng. Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, PCC1 đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia và thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện, cùng các hợp đồng xuất khẩu sản xuất công nghiệp. Công ty đã thực hiện các gói thầu: Gói thầu EPC – ĐZ 110kV Bắc Giang – Quang Châu; Gói thầu EPC – ĐZ 500kV Nhà Bè – Metro city; và Gói thầu EPC – ĐDK & TBA 110kV cấp điện cho Nhà máy Hóa chất Lào Cai.

6.1.2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp, lĩnh vực hoạt động quan trọng và có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động xây lắp điện truyền thống của Công ty bao gồm:

a) Thiết kế, chế tạo kết cấu thép mạ kẽm

PCC1 là đơn vị có qui mô lớn nhất Việt Nam về thiết kế và chế tạo kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng, được trang bị công nghệ hiện đại với tổng công suất trên 50.000 tấn sản phẩm/năm, thông qua đơn vị thành viên là Nhà máy kết cấu thép Yên Thường và công ty con là Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh (PCC1 giữ 100% vốn điều lệ).

Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh, có công suất 35.000 tấn sản phẩm/năm, là công ty duy nhất có khả năng vừa thiết kế, chế tạo và lắp đặt sản phẩm cột thép đơn thân 110kV, 220kV loại 1, 2, 4 mạch (toàn bộ trang thiết bị sản xuất đã được đầu tư đồng bộ từ năm 2010) và cột thép liên kết thanh đến 750 kV.

Đối với Nhà máy kết cấu thép Yên Thường, PCC1 mới đầu tư cho Nhà máy

01 dây chuyền gia công thép góc CNC, máy đục lỗ CNC, xe cầu cần trục bánh lốp 10 tấn, Trạm biến áp 35/0,4kV. Công suất của Nhà máy kết cấu thép Yên Thường là 15.000 tấn sản phẩm/năm.

Các sản phẩm kết cấu thép của công ty được sử dụng trong nhiều công trình điện, công trình viễn thông, giao thông trong nước và đã xuất khẩu sang một số quốc gia như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Chi Lê...



Hình 7: Cột thép đơn thân

Thế mạnh của PCC1 đối với các sản phẩm này là (1) khả năng chế tạo kết cấu thép với chất lượng cao, thể hiện ở độ chuẩn xác, tính ổn định và thuận tiện khi lắp đặt và (2) chất lượng mạ kẽm để đảm bảo tính cách điện, yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến an toàn của ứng dụng sản phẩm.

b) Khai thác khoáng sản

Đây là lĩnh vực hoạt động mới của Công ty, có vai trò hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kết cấu thép và tận dụng các hoạt động khảo sát thực trạng, địa hình, mối quan hệ với các địa bàn có dự án liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty là xây lắp điện. Công ty góp vốn vào các dự án khảo sát, thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản, trong đó, PCC1 đang nắm giữ 25,09% vốn điều lệ CTCP Gang thép Cao Bằng. Dự án khai thác quặng của CTCP Gang thép Cao Bằng đã hoàn thành và vận hành sản xuất từ quý IV năm 2015. Ngoài ra, trong năm 2015, PCC1 đã đầu tư 47,84 tỷ đồng vào CTCP Khoáng sản Tấn Phát tại Cao Bằng, tương đương với tỷ lệ sở hữu 48,8% vốn điều lệ.

6.1.3. Đầu tư bất động sản

Ngoài hai lĩnh vực kinh doanh chính, dựa vào thế mạnh vốn có trong lĩnh vực xây lắp, PCC1 còn mở rộng hoạt động sang lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản và đã đạt được những thành công nhất định, mang lại nguồn thu lớn và đóng góp vào sự phát triển ổn định của PCC1. Các dự án bất động sản PCC1 đã và đang đầu tư gồm dự án khu nhà ở dịch vụ thương mại Nàng Hương; dự án Trung tâm thương mại và nhà ở căn hộ Xây lắp điện I (Mỹ Đình Plaza 1), dự án khu hỗn hợp nhà ở Hà Đông Complex; dự án Mỹ Đình Plaza 2.

❖ Khu nhà ở dịch vụ thương mại Nàng Hương

Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương khởi công tháng 01 năm 2008 và hoàn thành tháng 09 năm 2010 và hiện đang được PCC1 đưa vào sử dụng và khai thác sau đầu tư. Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương tọa lạc tại số 583 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội trên quy mô diện tích 9.314 m², gồm 2 nhà cao tầng cao 21 tầng với tổng diện tích 3.153 m² và 1.407 m² biệt thự, 651 m² nhà liền kề. Dự án Nàng Hương đã mang lại cho PCC1 doanh thu 300 tỷ đồng trong năm 2010. Ngoài ra, hàng năm dự án đóng góp cho Công ty 5 tỷ đồng doanh thu bằng việc tiếp tục khai thác một phần diện tích tầng 1, tầng 2, tầng kỹ thuật.



Hình 8: Dự án Nàng Hương

❖ Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở căn hộ Xây lắp điện I (Mỹ Đình Plaza)

Dự án Mỹ Đình Plaza khởi công tháng 9 năm 2011 và hoàn thiện công trình và đưa vào sử dụng tháng 12 năm 2013. Mỹ Đình Plaza là tổ hợp căn hộ cao cấp, hiện đại, bao gồm một tòa tháp căn hộ cao cấp với 25 tầng nổi, 2 tầng hầm và hơn 350 căn hộ. Mỗi tầng được bố trí 16 căn hộ với

6 thang máy và 4 cầu thang bộ. PCC1 đã ghi nhận toàn bộ phần kinh doanh dự án Mỹ Đình Plaza trong năm 2014 với giá trị doanh thu là 708,5 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 281,7 tỷ đồng.

❖ Dự án Nhà ở Xây lắp điện I Hà Đông (PCC1 Complex)

Với phương châm đầu tư bất động sản kiểu cuốn chiếu, sau khi hoàn thiện dự án Mỹ Đình Plaza, PCC1 tiếp tục đầu tư dự án Nhà ở Xây lắp điện I Hà Đông (PCC1 Complex). Dự án khởi Công tháng 09 năm 2014 tại Phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội trên diện tích hơn 8.800 m². Dự án gồm 04 tòa tháp cao 15 tầng, 540 căn hộ, cùng 3 tầng TTTM và văn phòng cho thuê.

PCC1 Complex nằm tại phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội được đánh giá là một trong những chung cư có vị trí đẹp thuận lợi nhất được kết nối vào Trung

tâm Thành phố Hà Nội tiện lợi với hệ thống tuyến đường sắt trên cao. Dự án được chính thức mở bán vào tháng 12 năm 2014, và đến nay đã bán hết toàn bộ số căn hộ. Trong 6 tháng đầu năm 2016, PCC1 đã ghi nhận doanh thu 416,7 tỷ đồng và lợi nhuận gộp 105,8 tỷ đồng đối với dự án này.



Hình 9: Dự án PCC1 Complex

❖ Dự án Mỹ đình Plaza 2

Tiếp nối thành công của các dự án trước, PCC1 sẽ thực hiện đầu tư dự án tiếp theo Dự án Mỹ Đình 02 tại Phố Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 5000 m², với 01 tòa nhà cao 28 tầng. Thời gian dự kiến hoàn thành dự án vào quý I năm 2018.



Hình 10: Mỹ Đình Plaza 2

6.1.4. Đầu tư thủy điện

Với lợi thế hơn 50 năm kinh nghiệm trong ngành điện, nhằm tạo nguồn thu tài chính dài hạn trong giai đoạn trung và dài hạn, PCC1 đã tham gia vào lĩnh vực đầu tư thủy điện với 4 dự án thủy điện gồm dự án Thủy điện Trung Thu, dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, dự án Thủy điện Bảo Lâm 3, và dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A.

❖ Dự án Thủy điện Trung Thu

Dự án được thực hiện bởi CTCP Thủy điện Trung Thu, PCC1 nắm giữ 60% vốn điều lệ. Dự án khởi công vào quý III năm 2014 với công suất 30MW. Nhà máy Thủy điện Trung thu nằm trên địa bàn xã Trung Thu, Sính Phình, Mường Báng thuộc huyện Tủa Chùa và xã Pa Ham thuộc huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên được đánh giá sẽ là dự án có hiệu quả tốt. Thời gian hoàn thành và đi vào vận hành phát điện trong quý IV 2016.



Hình 11: Thủy điện Trung Thu

- Tổng vốn đầu tư: 900 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn: 60%
- Doanh thu dự kiến hàng năm: 130 tỷ đồng
- Giá trị hiện tại thuần (NPV): 158 tỷ đồng
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR): 11,6%

❖ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1

Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 khởi công vào tháng 11 năm 2014. Công trình thủy điện Bảo Lâm 1 dự kiến xây dựng nằm tại xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, với quy mô công suất 30MW. Thời gian hoàn thành và đi vào vận hành phát điện cũng trong quý IV năm 2016.



Hình 12: Thủy điện Bảo Lâm 1

- Tổng vốn đầu tư: 915,4 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Doanh thu dự kiến hàng năm: 130 tỷ đồng
- Giá trị hiện tại thuần (NPV): 146 tỷ đồng
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR): 12,5%

❖ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3

Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 khởi công quý III năm 2015 với công suất 46MW. Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành phát điện trong quý IV năm 2017.

- Tổng vốn đầu tư: 1.393,6 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Doanh thu dự kiến hàng năm: 223 tỷ đồng
- Giá trị hiện tại thuần (NPV): 270 tỷ đồng
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR): 12,78%



Hình 13: Thủy điện Bảo Lâm 3

❖ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A

Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A khởi công quý I năm 2016 với công suất 8MW. Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành phát điện trong quý IV năm 2017.

- Tổng vốn đầu tư: 312 tỷ đồng
- Tỷ lệ góp vốn: 100%
- Doanh thu dự kiến hàng năm: 35,6 tỷ đồng
- Giá trị hiện tại thuần (NPV): 56,8 tỷ đồng
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR): 10,47%



Hình 14: Thủy điện Bảo Lâm 3A

6.2. Doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm

6.2.1. Doanh thu thuần

Bảng 5: Doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ						Hợp nhất					
	Năm 2014	% DTT	Năm 2015	% DTT	6 tháng 2016	% DTT	Năm 2014	% DTT	Năm 2015	% DTT	6 tháng 2016	% DTT
Xây lắp	1.758.274	66%	2.207.805	83%	723.392	54%	1.842.103	59,4%	2.336.758	75,4%	829.390	52,7%
Chuyển nhượng BĐS	708.459	26%	0	0%	416.688	31%	708.459	22,9%	0	0,0%	416.688	26,5%
Sản xuất công nghiệp	158.677	6%	290.097	11%	85.649	6%	525.609	17,0%	658.664	21,2%	226.422	14,4%
Kinh doanh BĐS đầu tư	5.423	0%	8.752	0%	4.662	0%	4.843	0,2%	7.212	0,2%	3.892	0,2%
Bán hàng	46.362	2%	125.458	5%	101.808	8%	62	0,0%	61.398	2,0%	77.345	4,9%
Hoạt động khác	1.730	0%	15.997	1%	10.390	1%	18.970	0,6%	36.827	1,2%	19.068	1,2%
Doanh thu thuần	2.678.925	100%	2.648.110	100%	1.342.590	100%	3.100.046	100%	3.100.859	100%	1.572.806	100%

Nguồn : BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của PCC1 năm 2014, 2015; BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016

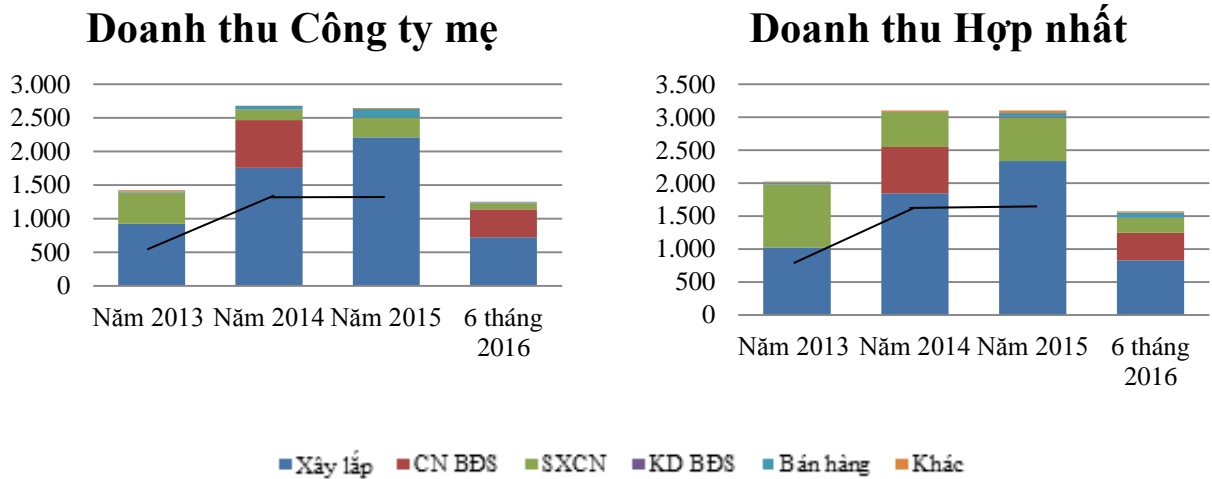
Doanh thu thuần của PCC1 - Công ty mẹ tăng trưởng bình quân 30% giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015 và đạt gần 2.650 tỷ đồng vào năm 2015. Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty cũng tăng trưởng tốt với tốc độ bình quân 26% giai đoạn 2013 – 2015 và đạt trên 3.100 tỷ năm 2015. Doanh thu thuần trong năm 2015 gần như không tăng so với năm 2014 do Công ty không có doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong năm này. Tuy nhiên, các lĩnh vực hoạt động khác đều có sự tăng trưởng tốt về doanh thu trong năm 2015, trong đó hai lĩnh vực cốt lõi là xây lắp và sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng doanh thu lần lượt là 26% và 83% đối với Công ty mẹ, và đều trên 25% đối với Hợp nhất.

Hoạt động xây lắp điện vẫn luôn giữ vai trò chủ đạo khi liên tục đóng góp tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong năm 2014, 2015 và 6 tháng 2016, lĩnh vực xây lắp điện lần lượt đóng góp 59,4% đến 75,4% tổng doanh thu thuần hợp nhất.

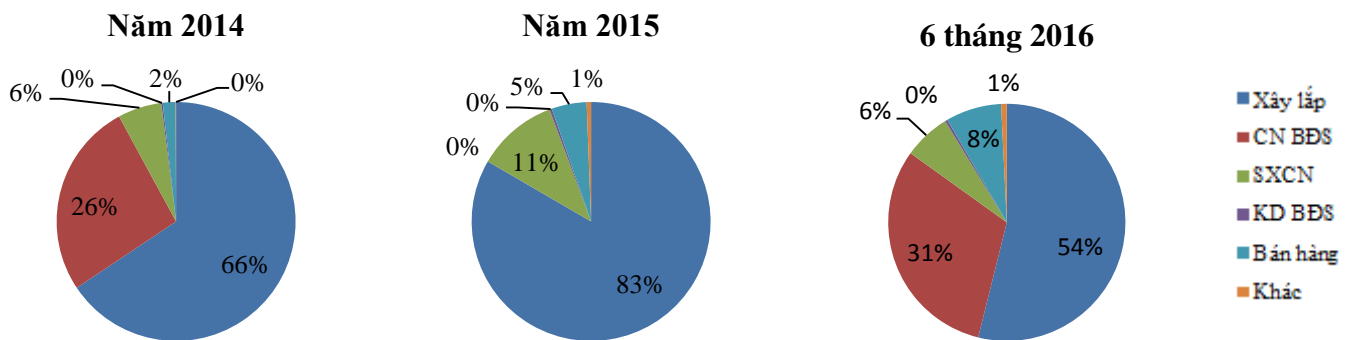
Doanh thu hoạt động xây lắp hợp nhất năm 2015 đạt 2.336,7 tỷ đồng. Với quy mô doanh thu xây lắp trên 2000 tỷ đồng, Công ty đã và đang khẳng định vị trí số một trong ngành xây lắp điện của Việt Nam hiện nay.

Hình 15: Doanh thu giai đoạn 2013 – 6 tháng 2016

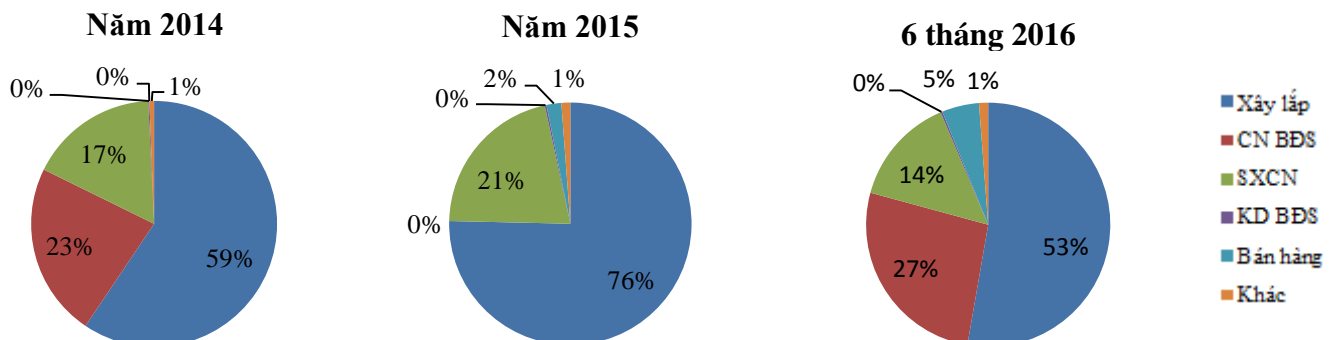
Đơn vị: Tỷ đồng



Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ



Cơ cấu doanh thu Hợp nhất



Sau lĩnh vực xây lắp, lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản đóng góp tỷ trọng doanh thu lớn thứ 2 cho toàn Công ty trong năm 2014, chiếm 22,9% tổng doanh thu hợp nhất. Đây là doanh thu ghi nhận từ việc chuyển nhượng bất động sản của dự án Mỹ Đình Plaza. Tháng 9 năm 2014, Công ty đầu tư dự án PCC1 Complex tại Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội. Mặc dù dự án được chính thức mở bán vào tháng 12 năm 2014 và căn hộ đã được bán hết trong năm 2015, nhưng để tuân thủ chặt chẽ các quy định về kế toán, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi hoàn thành và bàn giao dự án. Do vậy, trong 2015, hoạt động chuyển nhượng bất động sản có doanh thu bằng 0 và đến hết 6 tháng đầu năm 2016, sau khi dự án PCC1 Complex bắt đầu được đưa vào sử dụng và khai thác, Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản với giá trị hơn 416,6 tỷ đồng, chiếm 31% tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ.

Sản xuất công nghiệp cũng là một trong những hoạt động kinh doanh cốt lõi của PCC1, chiếm tỷ trọng 17% doanh thu thuần hợp nhất năm 2014. Năm 2015, tỷ trọng doanh thu sản xuất công nghiệp tăng lên 21% doanh thu thuần hợp nhất. Doanh thu sản xuất công nghiệp chủ yếu được đóng góp bởi hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy chế tạo kết cấu thép Yên Thường trực thuộc Công ty mẹ và Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh do PCC1 nắm 100% vốn điều lệ. Doanh thu từ hoạt động sản xuất công nghiệp của Công ty có thể biến động mạnh qua các năm do phụ thuộc nhiều vào kết quả đấu thầu của các dự án.

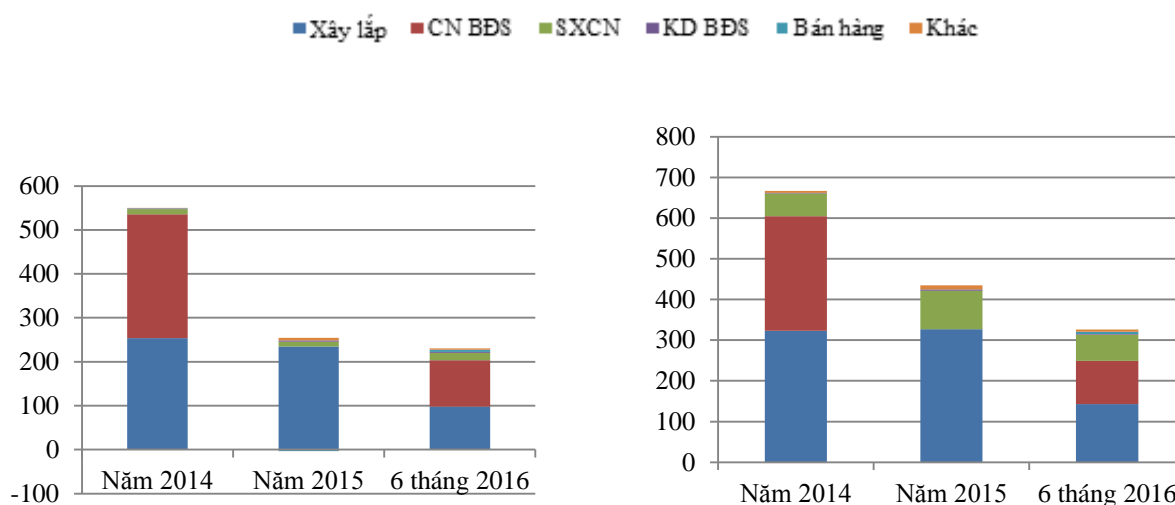
Doanh thu từ bất động sản đầu tư đến từ việc cho thuê văn phòng, cho thuê mặt bằng thương mại mang lại nguồn thu ổn định khoảng 7 - 9 tỷ đồng/năm đối với phần diện tích để lại của dự án Nàng Hương và dự án Mỹ Đình Plaza.

Doanh thu từ bán hàng bao gồm doanh thu từ một số vật liệu xây dựng, hàng hóa phục vụ các dự án, công trình của Công ty, phát sinh trong hoạt động xây lắp và chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu thuần.

6.2.2. Lợi nhuận gộp

Hình 16: Lợi nhuận gộp

Đơn vị: Tỷ đồng



Bảng 6: Lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ						Hợp nhất					
	Năm 2014	% tổng	Năm 2015	% tổng	6 tháng 2016	% tổng	Năm 2014	% tổng	Năm 2015	% tổng	6 tháng 2016	% DTT
Hoạt động xây lắp	253.966	46,2%	234.939	93,5%	97.650	42,3%	323.002	48,4%	326.925	75,2%	142.943	43,9%
Chuyển nhượng BĐS	281.688	51,3%	0	0,0%	105.823	45,9%	281.688	42,3%	0	0,0%	105.823	32,5%
Sản xuất công nghiệp	11.527	2,1%	10.778	4,3%	16.603	7,2%	56.189	8,4%	94.154	21,7%	64.592	19,8%
Kinh doanh BĐS đầu tư	1.286	0,2%	3.041	1,2%	1.997	0,9%	1.286	0,2%	3.041	0,7%	1.997	0,6%
Bán hàng	787	0,1%	-3.424	-1,4%	5.442	2,4%	3	0,0%	576	0,1%	5.442	1,7%
Hoạt động khác	274	0,0%	5.967	2,4%	3.124	1,4%	4.548	0,7%	9.879	2,3%	5.072	1,6%
Tổng lợi nhuận gộp	549.528	100%	251.301	100%	230.639	100%	666.716	100%	434.575	100%	325.869	100%

Nguồn :BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của PCCI năm 2014, 2015; BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016

Lợi nhuận gộp năm 2015 giảm 54% so với năm 2014, chủ yếu do năm 2015 Công ty không có doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Cũng như trong cơ cấu doanh thu, hoạt động xây lắp, chuyển nhượng bất động sản và sản xuất công nghiệp mang lại lợi chính cho Công ty; chiếm 80%-90% tổng lợi nhuận gộp.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2014 đạt hơn 280 tỷ đồng, chiếm trên 51% lợi nhuận gộp Công ty mẹ và 42% lợi nhuận gộp trên BCTC hợp nhất. Đến hết quý II năm 2016, Công ty đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản của dự án PCC1 Complex, giúp mang lại trên 100 tỷ lợi nhuận gộp, chiếm gần 46% tổng lợi nhuận gộp của Công ty mẹ và 32,5% lợi nhuận gộp trên BCTC hợp nhất. Biên lợi nhuận gộp từ chuyển nhượng bất động sản đạt 39,8% trong năm 2014 và 25% trong 6 tháng đầu 2016, cao nhất trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Chuyển nhượng bất động sản mang lại lợi nhuận cao nhưng với chiến lược đầu tư xây dựng bất động sản cuốn chiếu, Công ty xây dựng và bàn giao hoàn toàn dự án rồi mới đầu tư tiếp dự án khác nên lợi nhuận từ bất động sản mang lại có tính chất không thường xuyên.

Hoạt động xây lắp vẫn hoạt động cốt lõi của PCC1. Hoạt động này có lợi nhuận gộp tương đối ổn định cho Công ty hàng năm, đạt trên 320 tỷ đồng đối với toàn Công ty, với biên lợi nhuận từ 14% - 17,5%.

Ngoài xây lắp, sản xuất công nghiệp cũng là một hoạt động mang lại doanh thu và lợi nhuận ổn định cho PCC1. Hàng năm, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất công nghiệp của trên BCTC hợp nhất từ 60 đến 90 tỷ đồng. Mặc dù hoạt động này có biên lợi nhuận không cao, chỉ từ 10% đến 14%, nhưng vẫn là một lĩnh vực không thể thiếu và có vai trò hỗ trợ đặc biệt đối với hoạt động xây lắp điện, xây dựng và đầu tư bất động sản.

Biên lợi nhuận gộp Công ty đạt mức 21,5% trong năm 2014 và giảm xuống còn 14% cũng do nguyên nhân không có doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản. Tuy nhiên, mức biên lợi nhuận gộp 14% vẫn là mức lợi nhuận tốt trong ngành.

6.3. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu:

Chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 34%-41% chi phí giá vốn hàng bán và 40%-42% tổng chi phí hàng năm của Công ty.

Bảng 7: Chi phí nguyên vật liệu giai đoạn 2014 – 6 tháng 2016

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	430.442	521.473	383.545	991.748	1.111.305	639.151
Giá vốn hàng bán	2.129.396	2.396.808	1.111.951	2.433.029	2.672.272	1.246.937
Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu/giá vốn hàng bán	20,2%	21,8%	34,5%	40,8%	41,6%	51,3%
Tổng chi phí	1.943.752	2.528.180	956.361	2.352.806	2.811.854	1.179.373
Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu/tổng chi phí	22,1%	20,6%	40,1%	42,2%	39,5%	54,2%

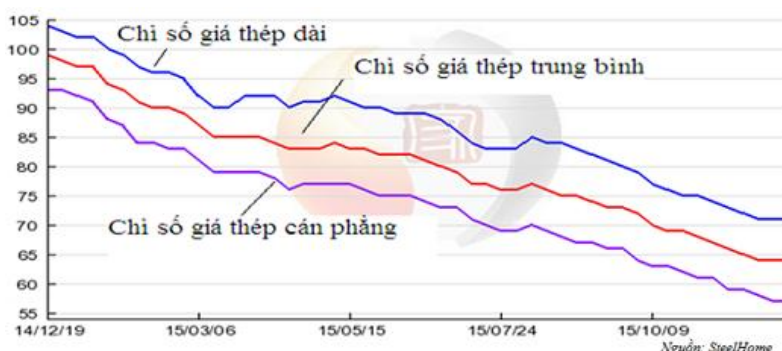
Nguồn : BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã kiểm toán PCC1 năm 2014, 2015, BCTC riêng và hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2016

Sự ổn định của nguyên vật liệu:

Thép là nguyên liệu đầu vào chủ yếu trong hoạt động sản xuất công nghiệp của Công ty. Thị trường thép toàn cầu đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng trong năm 2015. Giá thép đã sụt giảm

liên tiếp trên khắp các châu lục do nguồn cung dư thừa trong khi nhu cầu yếu, giá nguyên liệu đầu vào như quặng sắt, phế liệu lao dốc.

Hình 17: Chỉ số giá thép thế giới từ tháng 14/2014 đến tháng 12/2015



Tuy nhiên đến đầu năm 2016, thị trường thép thế giới đã có dấu hiệu hồi phục. Theo Bộ Công Thương, sang tháng 3 và 4 năm 2016, thị trường có sự phục hồi tích cực khi giá thép trong nước tăng theo xu hướng tăng của thế giới; lượng sản xuất, tiêu thụ thép cũng tăng khá theo nhu cầu thị trường. Song song đó, Quyết định số 862/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với phôi thép và thép dài nhập khẩu Việt Nam, giá thép trong nước đã tăng cao tại thời điểm tháng 3 và 4. Tuy vậy, đến tháng 6 và tháng 7, giá thép lại giảm sâu với tổng mức từ 700.000 đồng đến 1 triệu đồng/tấn cho thấy giá thép Việt Nam luôn biến động không ngừng theo sự biến động của thế giới và chính sách của Nhà nước. Sự biến động tăng hoặc giảm của giá cả nguyên vật liệu cũng đều ảnh hưởng đến chi phí và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Ý thức được tầm quan trọng của sự ổn định của nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây lắp, vì vậy Công ty luôn chủ động tìm kiếm và quản lý các nguồn cung cấp nguyên vật liệu. Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng để có thể một phần nào đó chủ động được nguồn nguyên vật liệu. Ngoài ra, Công ty cũng ký kết các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo sự ổn định cho các yếu tố đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảng 8: Nhà cung cấp nguyên vật liệu chính

STT	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ
1	JFE Mechanical Vietnam	Nhật Bản
2	Công ty TNHH Sojitz Việt Nam	Nhật Bản
3	NKT Cables GmbH & Co. KG	Nhật Bản
4	Hitachi T&D Systems Asia Pte Ltd	Nhật Bản
5	Siam Yamato Steel Company Limited	Thái Lan
6	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cimenco	Việt Nam
7	Công ty Cổ phần Hàng hóa Quốc tế IPC	Việt Nam

6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 9: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ						Hợp nhất					
	Năm 2014	% DTT	Năm 2015	% DTT	6 tháng 2016	% DTT	Năm 2014	% DTT	Năm 2015	% DTT	6 tháng 2016	% DTT
Chi phí giá vốn	2.129.396	79,5%	2.396.808	90,5%	1.111.951	82,8%	2.433.029	78,5%	2.672.272	86,2%	1.246.937	79,3%
Chi phí tài chính	2.887	0,1%	14.457	0,5%	24.795	1,8%	13.515	0,4%	12.365	0,4%	5.949	0,4%
Chi phí bán hàng	7.198	0,3%	-11.390	-0,4%	6.817	0,5%	17.739	0,6%	5.935	0,2%	17.421	1,1%
Chi phí QLDN	49.508	1,8%	58.915	2,2%	20.836	1,6%	94.173	3,0%	126.479	4,1%	54.441	3,5%
Chi phí khác	2.710	0,1%	987	0,0%	14	0,0%	5.505	0,2%	2.270	0,1%	589	0,0%
Chi phí thuế TNDN (hiện hành và hoãn lại)	111.338	4,2%	52.131	2,0%	43.184	3,2%	124.139	4,0%	73.542	2,4%	57.613	3,7%
Tổng chi phí	2.303.036	86,0%	2.511.908	95%	1.207.599	89,9%	2.688.101	86,7%	2.892.863	93,3%	1.382.949	87,9%

Nguồn :BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của PCCI năm 2014, 2015; BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016

Cũng như các công ty xây lắp và xây dựng khác, tổng chi phí của PCC1 luôn chiếm tỷ lệ cao trên tổng doanh thu thuần của toàn Công ty, trung bình 2.700 tỷ đồng hàng năm. Tỷ trọng tổng chi phí kinh doanh so với doanh thu thuần trong năm 2015 tăng lên 95% so với 86% của năm 2014, chủ yếu do năm 2014 Công ty ghi nhận doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản dự án Mỹ Đình, trong khi đó Công ty đầu tư dự án PCC1 Complex nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu trong năm 2015.

Chi phí giá vốn hàng bán đều trên 2.000 tỷ đồng/năm và luôn là chi phí chiếm phần lớn trong tổng doanh thu thuần, từ 80% đến 90% doanh thu thuần của Công ty mẹ và 78% đến 86% doanh thu thuần của toàn Công ty.

Ngoài chi phí giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng của PCC1 đều được kiểm soát tốt. Năm 2015, chi phí bán hàng của Công ty mẹ là -11,39 tỷ đồng do hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành các công trình xây lắp điện.

Chi phí tài chính của Công ty thấp so sánh với các doanh nghiệp có quy mô tương đương trong ngành do Công ty có năng lực tài chính tốt và cơ cấu vay nợ hợp lý.

Bảng 10: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ						Hợp nhất					
	Năm 2014	% DTT	Năm 2015	% DTT	6 tháng 2016	% DTT	Năm 2014	% DTT	Năm 2015	% DTT	6 tháng 2016	% DTT
Chi phí Nguyên liệu, vật liệu	430.442	16,1%	521.473	19,7%	383.545	28,6%	991.748	32,0%	1.111.305	35,8%	639.151	40,6%
Chi phí nhân công	141.575	5,3%	138.551	5,2%	45.650	3,4%	286.166	9,2%	264.677	8,5%	103.202	6,6%
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.193	0,4%	13.285	0,5%	7.283	0,5%	22.728	0,7%	24.410	0,8%	14.427	0,9%
Chi phí dự phòng, bảo hành	66.099	2,5%	66.880	2,5%	25.730	1,9%	44.477	1,4%	66.259	2,1%	25.730	1,6%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.285.279	48,0%	1.772.924	67,0%	486.115	36,2%	948.425	30,6%	1.269.556	40,9%	369.083	23,5%
Chi phí khác bằng tiền	10.164	0,4%	15.068	0,6%	8.038	0,6%	59.262	1,9%	75.646	2,4%	27.780	1,8%
Tổng chi phí	1.943.752	72,6%	2.528.180	95%	956.361	71,2%	2.352.806	75,9%	2.811.854	90,7%	1.179.373	75,0%

Nguồn :BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của PCC1 năm 2014, 2015; BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016

6.5. Trình độ công nghệ

Xác định đầu tư và đổi mới công nghệ là yếu tố xác định thành công, PCC1 luôn tự hào là đơn vị dẫn đầu ngành về trình độ công nghệ và kỹ thuật và đã đạt được những thành tựu về công nghệ như sau:

- Công ty đã tiên phong trong việc đầu tư, nghiên cứu và cải tiến các thiết bị thi công chuyên ngành như: hệ thống khinh khí cầu điều khiển từ xa đồng bộ với các thiết bị kéo hãm tiên tiến, chế tạo đồ gá để mạ cột thép đơn thân có đường kính lớn của Công ty chế tạo cột thép Đông Anh và sáng kiến máy thổi khí khô của Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện 1 - Hoàng Mai. Những thiết bị thi công hiện đại và tiên tiến trên đã giúp đẩy nhanh tiến độ thi công, hạn chế tối đa chi phí và tổn thất, hạn chế tối đa việc chặt phá hành lang tuyến và đền bù thi công và đảm bảo thi công an toàn, chính xác, hiệu quả.
- Việc ứng dụng thành công hệ thống khinh khí cầu trong thi công kéo dây mang lại lợi thế đặc biệt cho PCC1 trong lĩnh vực xây lắp điện so với các đơn vị khác do việc đầu tư đồng bộ hệ thống khinh khí cầu điều khiển từ xa đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn (khoảng trên 1,5 triệu USD để nhập khẩu những thiết bị chính), đồng thời phải trải qua thủ tục cấp phép bay phức tạp (phải thông qua Bộ Quốc Phòng và Bộ Công An cho từng công trình) và quá trình vận chuyển nghiêm ngặt.
- Việc đầu tư đồng bộ thiết bị sản xuất cột điện 110 kV, 220kV tại Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh và Nhà máy Yên Thường đã tạo nên một hệ thống sản xuất hiệu quả và đảm bảo nguồn cung cấp sản phẩm chất lượng cao, ổn định.
- Máy thổi khí khô, sản phẩm sáng tạo của Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Hoàng Mai đã đưa Công ty trở thành đơn vị đầu tiên trong cả nước sử dụng thiết bị để xử lý cách điện ẩm của máy biến áp và các thiết bị điện 500kV và áp dụng thành công tại các Trạm Biến Áp 500kV Quảng Ninh, Thường Tín, Ô Môn, giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí so với việc nhập thiết bị từ nước ngoài.
- Công ty cổ phần Xây lắp điện I đã được Tổ chức đánh giá ISO BSI công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001- 2008.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Bên cạnh những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, PCC1 luôn chú trọng nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm để có thể mở rộng đầu tư không chỉ vào các ngành nghề hỗ trợ cho ngành nghề chính của Công ty mà còn đầu tư vào các ngành nghề khác có lợi nhuận tiềm năng trong tương lai. Trong lĩnh vực xây lắp, Công ty luôn không ngừng học hỏi, đào tạo và tự đào tạo nâng cao kiến thức để có thể sáng tạo hơn nữa trong thi công xây lắp điện. Đối với lĩnh vực bất động sản, Công ty luôn cố gắng thực hiện các dự án xây dựng bất động sản gói đầu nhau, đảm bảo lĩnh vực bất động sản cũng sẽ là lĩnh vực mang lại doanh thu ổn định. Lĩnh vực đầu tư các dự án thủy điện và khai thác khoáng sản là hai hoạt động mới được đầu tư của Công ty hai năm trở lại đây và được kỳ vọng sẽ đóng góp một phần doanh thu không nhỏ cho PCC1 trong tương lai gần.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Để đảm bảo tuyệt đối chất lượng của sản phẩm và các công trình, PCC1 triệt để kiểm tra chất lượng ngay ở từng công đoạn với những quy định chi tiết, khắt khe. Quy trình kiểm tra chất lượng được ban hành bởi Công ty mẹ và các công ty con của PCC1 và được đảm bảo thực hiện, giám sát chặt chẽ, đảm bảo cho các công trình của PCC1 luôn đáp ứng những tiêu chuẩn phức tạp nhất về kỹ thuật.

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty liên tục được đào tạo bổ sung nghiệp vụ và học tập nâng cao kiến thức chuyên sâu, trong đó, 100% cán bộ thuộc các ban Chỉ huy Công trình đã được đào tạo nghiệp vụ Tư vấn Giám sát. Công tác quản lý kỹ thuật, hướng dẫn vận hành máy móc, thiết bị, bảo dưỡng định kỳ được quản lý khoa học và hiệu quả. Việc nghiệm thu bàn giao công trình, hoàn công, thanh toán thu hồi vốn các công trình đều được thực hiện đúng tiến độ kế hoạch của Công ty, mang lại uy tín cao cho PCC1 trong các lĩnh vực hoạt động.

6.8. Hoạt động marketing

PCC1 xác định “Luôn luôn tin cậy” là phương châm hàng đầu của Công ty. Trong lĩnh vực cốt lõi là xây lắp điện, Công ty luôn định hướng xây dựng hình ảnh và uy tín của mình trên mọi mặt chất lượng, tiến độ, giá thành và thẩm mỹ công nghiệp. Các công trình được thực hiện đảm bảo chất lượng với công nghệ kỹ thuật cao, không những hoàn thành kế hoạch mà còn bàn giao sớm hơn kế hoạch, giá thành đúng với chất lượng, và có tính thẩm mỹ. Hình ảnh uy tín của Công ty chính là hình ảnh marketing tốt nhất.

Tại Công ty mẹ, để xây dựng hình ảnh đẹp trong lòng khách hàng, phòng Nghiên cứu phát triển sẽ lập hồ sơ dự thầu cho các gói thầu thi công xây lắp, các hồ sơ dự thầu được thống nhất và theo tiêu chuẩn của PCC1. Ngoài ra, phòng Kinh tế kế hoạch phụ trách nghiên cứu các dự án phát triển dài hạn cho Công ty.

Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh trực tiếp xây dựng mối quan hệ với đối tác nước ngoài để đưa sản phẩm của mình ra thị trường xuất khẩu.

Đối với lĩnh vực bất động sản, các dự án của PCC1 luôn đạt kết quả tốt không những đảm bảo chất lượng xây dựng, an toàn và môi trường mà còn đảm bảo về tiến độ và được khách hàng, thị trường chào đón, điển hình như dự án PCC1 Complex, dự án Mỹ Đình Plaza. Chính sự thành công của các dự án bất động sản đã tạo dựng một thương hiệu PCC1 chất lượng tốt trên thị trường bất động sản.

6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của công ty như sau:



6.10. Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Bảng 11: Các công trình lớn đang thực hiện

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Năm hoàn thành	Sản phẩm/ Dịch vụ
1	ĐZ 500KV Quảng Ninh-Hiệp Hòa Lô 8.3	2013	247	2015	Xây lắp điện
2	ĐZ 500KV Quảng Ninh-Hiệp Hòa Lô 8.4	2012	185	2015	Xây lắp điện
3	EPC Di dời lưới điện qua khu Nhà Bè Metrocity	2012	203	2017	EPC điện
4	ĐZ 500kV NĐ Duyên Hải - Mỹ Tho (NDP2-G16)	2014	266	2016	Xây lắp điện
5	ĐZ 500kV NĐ Long Phú - Ô Môn Gói 08 -10	2014	267	2016	Xây lắp điện
6	Gói 3 lô 3.2 +3.3 Xây dựng và lắp đặt TBA 500kV Phố Nối	2015	342	2016	Xây dựng và lắp đặt
7	Gói 7 dự án Trạm 500 kV Pleiku 2	2015	148	2016	Xây lắp điện
8	ĐZ 220kV Bến Tre - Mô Cày	2014	172	2015	Xây lắp điện
9	EPC: TBA 220/110KV Phú Bình (Yên Bình) và các ĐZ đấu nối 220, 110kV	2014	256	2015	Tổng thầu EPC
10	EPC: Đường dây 110kV đấu nối sau trạm biến áp 220kV Hải Hà	2015	127	2015	Tổng thầu EPC
11	Gói 3 Lô 2 ĐZ 220kV Cầu Bông - Đức Hòa nhánh rẽ và ĐZ 220kV Cầu Bông - Hóc Môn - rẽ Bình Tân	2014	132	2016	Xây lắp điện
12	Gói 3 - Cung cấp VTTB, xây lắp ĐZ220 kV Cát Lái - Công nghệ cao	2015	266	2016	Xây lắp điện

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Năm hoàn thành	Sản phẩm/ Dịch vụ
13	Gói 01-EPCYP3 dự án TBA 110kV Yên Phong 3 và đường dây đấu nối	2015	121	2016	Xây lắp điện
14	Cung cấp và thi công lắp đặt cáp ngầm 110kV Bến Thành- Suối Tiên	2015	158	2018	Thi công và xây lắp điện
15	PC: Cáp ngầm 110kV Mỗ Lao	2015	37	2016	Thi công cáp ngầm
17	Trạm biến áp 220kV Bảo Lâm và đấu nối	2015	124	2016	Trạm biến áp
18	EPC: đường dây 500-110kV Nhà Bè Metrocity	2012	203	2017	Tổng thầu EPC
19	Đường dây 500kV Long Phú – Ô Môn	2014	267,6	2017	Xây lắp điện
20	ĐZ 220kV Long Phú – Cần Thơ – Trà Lóc	2015	150	2017	Xây lắp điện
21	Cải tạo đường dây 220kV Phú Lâm – Hóc Môn 1	2016	172,3	2017	Xây lắp điện
22	TBA 110 kV Khu công nghệ cao Hòa Lạc	2016	187	2018	Xây lắp điện

Nguồn: Công ty CP Xây lắp Điện I

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 12: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty từ năm 2014 – 6 tháng đầu năm 2016

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	2014	2015	% tăng giảm	6 tháng 2016	2014	2015	% tăng giảm	6 tháng 2016
Tổng giá trị tài sản	1.600.400	2.555.367	59,7%	2.666.302	2.078.043	3.263.478	57,05%	3.569.338
Vốn chủ sở hữu *	774.355	1.161.597	50,0%	1.332.681	863.832	1.300.352	50,53%	1.490.169
Doanh thu thuần	2.678.925	2.648.110	-1,2%	1.342.590	3.100.046	3.100.859	0,03%	1.572.806
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	516.802	206.634	-60,0%	192.718	549.432	281.307	-48,80%	233.041
Lợi nhuận khác	1.917	37.318	1846,6%	31.801	(557)	37.833	-	31.254
Lợi nhuận trước thuế	518.719	243.953	-53,0%	224.519	548.876	319.140	-41,86%	264.295
% LNTT/DTT	19,36%	9,21%	-52,4%	16,72%	17,71%	10,29%	-41,87%	16,80%
Lợi nhuận sau thuế	407.381	191.821	-52,9%	181.335	423.391	245.469	-42,02%	206.565
% LNST/ DTT	15,21%	7,24%	-52,4%	13,51%	13,66%	7,92%	-42,04%	13,13%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	0,0%					
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	52,61%	16,51%	-68,6%	13,61%	49,01%	21,63%	-61,49%	13,86%

Nguồn :BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của PCCI năm 2014, 2015; BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016

*Đã tính đến Lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2015 so với năm 2014 đều có mức tăng trưởng cao, (trên 50%). Tổng tài sản tăng do hai nguyên nhân chính: một là, phát sinh chi phí đầu tư xây dựng dự án bất động sản PCC1 Hà Đông chưa được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh và hai là, chi phí xây dựng dở dang các nhà máy thủy điện Trung Thu, Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 3. Đối với vốn chủ sở hữu, trong năm 2015, Công ty thực hiện phát hành hơn 10 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 20.000 đồng/cổ phần, giá trị vốn huy động được là hơn 200 tỷ đồng.

Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tăng vốn góp của chủ sở hữu và nguồn vốn chủ sở hữu ngoài yếu tố tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 so với năm 2014.

Cũng xin lưu ý, vào tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành 22.779.368 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3:2 và trả cổ tức 6.833.810 cổ phiếu với tỷ lệ 5:1 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu. Ngoài ra, tháng 9 năm 2016, Công ty đã phát hành thành công 11.480.718 cổ phần riêng lẻ cho quỹ Vietnam Enterprise Investments Limited với giá phát hành là 33.000 đồng/cổ phiếu, thu về hơn 379 tỷ đồng.

Như đã phân tích tại phần 6.2.1. Doanh thu thuần, doanh thu thuần của Công ty năm 2015 chỉ tăng nhẹ (0,03%) so với năm 2014 nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự không thường xuyên của lĩnh vực kinh doanh bất động sản. So với hơn 708 tỷ đồng doanh thu thuần từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản của dự án Mỹ Đình Plaza trong năm 2014 thì năm 2015, mặc dù đang đầu tư tiếp dự án PCC1 Complex và dự án Mỹ Đình 2 nhưng Công ty không ghi nhận doanh thu từ 2 dự án này do chưa hoàn thiện và bàn giao toàn bộ dự án. Tuy không có doanh thu từ kinh doanh bất động sản, nhưng sự tăng trưởng trên 25% của hai lĩnh vực cốt lõi là xây lắp và sản xuất công nghiệp đã giúp Công ty giữ vững mức doanh thu trên 3.000 tỷ đồng trong năm 2015.

Năm 2014, việc ghi nhận doanh thu từ chuyển nhượng và kinh doanh bất động sản từ dự án Mỹ Đình Plaza đã mang lại lợi nhuận đột biến cho Công ty, do mức biên lợi nhuận gộp của kinh doanh bất động sản rất cao (gần 40% trong năm 2014). Sự thiếu hụt doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản trong năm 2015 đã dẫn đến sự sụt giảm đáng kể trong lợi nhuận hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty, mỗi chỉ tiêu đều giảm trên 40% năm 2014 so với năm 2015.

Mặc dù năm 2015 trong cơ cấu lợi nhuận không có lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn đạt 245 tỷ đồng, vượt 63% kế hoạch đặt ra. Đây là kết quả sự nỗ lực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động xây lắp đã góp phần quan trọng làm tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty, là với việc tối ưu hóa chi phí giảm giá thành, đưa ra các giải pháp thi công tối ưu, nghiên cứu đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến. Công ty đạt tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 21,6% năm 2015, đây là tỷ lệ cao trong ngành xây lắp điện.

Lợi nhuận khác của Công ty năm 2015 tăng vọt lên 37 tỷ đồng là do khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây lắp điện và hoàn nhập các khoản trích trước đối với các công trình trị giá hơn 36 tỷ đồng.

Trong 3 năm liền từ 2013 – 2015, Công ty vẫn duy trì được mức chi trả cổ tức 20% trên vốn điều lệ.

Doanh thu hợp nhất 6 tháng năm 2016 đạt gần 1.572 tỷ đồng, hoàn thành 41% kế hoạch doanh thu, trong khi lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 206,5 tỷ đồng và hoàn thành 67,8% kế hoạch cả năm 2016 cho thấy thành quả đáng khích lệ của toàn Công ty.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuận lợi

Ngành xây lắp điện

Ngoài việc xây dựng nguồn điện như các nhà máy điện thì các hệ thống truyền tải điện gồm trạm biến áp và các mạng lưới đường dây cũng là một phần rất quan trọng trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia. Với nhu cầu về điện năng ngày càng tăng, Chính phủ đã phải đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào hệ thống trạm biến áp và đường dây truyền tải điện trong những năm qua và đặc biệt trong tương lai. Theo Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030, khối lượng lưới điện truyền tải xây dựng theo từng giai đoạn như sau:

Bảng 13: Khối lượng lưới điện truyền tải xây dựng

Hạng mục	Đơn vị	2016 – 2020	2021 – 2025	2026 – 2030
Trạm 500 kV	MVA	26.700	26.400	23.550
Trạm 220 kV	MVA	34.966	33.888	32.750
Đường dây 500 kV	km	2.746	3.592	3.714
Đường dây 220 kV	km	7.488	4.076	3.435

Việc phát triển các lưới điện truyền tải đồng bộ là một thuận lợi cho sự phát triển của PCC1 trong lĩnh vực xây lắp điện.

Ngành bất động sản

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, thị trường bất động sản đã bắt đầu có dấu hiệu hồi phục từ những tháng cuối năm 2013. Trong năm 2014 và 2015, thị trường tiếp tục đà phục hồi tích cực. Lượng giao dịch bất động sản năm 2015 tăng đáng kể so với năm 2014 cụ thể lượng căn hộ mới được chào bán của Hà Nội tăng 70% so với năm 2014. Lượng giao dịch cả năm 2015 đã đạt mức kỷ lục mới so với thời điểm năm 2009 (15.000 căn hộ được bán) (*Nguồn: CBRE*). Giá cả bất động sản tương đối ổn định; lượng tồn kho bất động sản tiếp tục giảm, cơ cấu hàng hóa bất động sản chuyển dịch theo hướng hợp lý, phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường – nhu cầu bất động sản giá trung bình và trên trung bình. Theo diễn biến của thị trường BĐS năm 2015, có thể thấy phân khúc nhà ở giá trung bình và giá trên trung bình đã phát triển khá mạnh. Đây là phân khúc mang tính thị trường cao và phù hợp với khả năng thanh toán của đa số người dân hiện tại. Phân khúc bất động sản này cũng là phân khúc mà PCC1 hướng đến. Các dự án bất động sản của Công ty những năm gần đây đã đạt kết quả kinh doanh rất khả quan, khẳng định chiến lược đầu tư đúng đắn của PCC1 trong hiện tại và tương lai.

Các hoạt động khác của PCC1 như sản xuất công nghiệp, bán hàng đều có liên quan đến ngành điện và bất động sản. Sự phát triển của ngành điện và sự phục hồi của ngành bất động sản sẽ có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Khó khăn

Điều kiện thi công và điều kiện thời tiết luôn là khó khăn mà PCC1 luôn phải đối mặt trong các hoạt động như xây lắp, xây dựng bất động sản. Như đã phân tích trong phần rủi ro, các hoạt động xây lắp điện chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại nhiều khu vực có địa hình phức tạp, do đó, điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và mức độ an toàn trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực này. Đây là khó khăn mà tất cả các công ty thuộc ngành xây lắp điện và xây dựng đều phải đối mặt.

Đối với hoạt động xây lắp nói riêng, ngành điện nói chung, yếu tố khoa học công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện hiệu quả sản xuất và tương thích với những tiến bộ kỹ thuật ngày càng cao cả trong và ngoài nước. Do đó, mỗi một thay đổi hoặc tiến bộ về mặt công nghệ sẽ làm cho năng lực sản xuất hiện có trở nên lỗi thời, đòi hỏi Công ty phải đầu tư mới thiết bị máy móc, nâng cao năng lực nhân sự vận hành.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành**8.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Công ty cổ phần Xây Lắp Điện I với tiền thân là Công ty Xây lắp đường dây và Trạm được thành lập từ những ngày đầu độc lập, Công ty đã trải qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển và hiện nay đã khẳng định được vị thế của mình trong tất cả các lĩnh vực hoạt động mà Công ty tham gia. Tháng 11/2012, Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương độc lập hạng nhất, nhiều tập thể cá nhân của Công ty được trao tặng nhiều danh hiệu cao quý. Ngay sau đó, năm 2014 Công ty vinh dự được vinh danh trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, xếp thứ hạng thứ 185 với doanh thu đạt trên 3000 tỷ đồng.

PCC1 có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp với hàng nghìn km đường dây tải điện và hàng trăm trạm biến áp ở các cấp điện áp 500kV, 220kV, 110kV do Công ty thực hiện. Hiện nay, PCC1 đang đứng đầu về quy mô sản lượng, doanh thu trong lĩnh vực xây lắp điện ở Việt Nam với doanh thu xây lắp điện hàng năm của Công ty mẹ trên 2.200 tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 30% mỗi năm trong giai đoạn 2013 - 2015.

Công ty là đơn vị hàng đầu tại Việt Nam có đủ năng lực thi công các dự án tổng thầu EPC truyền tải điện, thể hiện qua việc Công ty đã thực hiện thành công các dự án tổng thầu EPC các công trình: Dự án Ngăn lộ TBA 220kV Bắc Giang và ĐZ 110kV Bắc Giang - Quang Châu; dự án TBA 110kV Núi Pháo (Thái Nguyên); dự án ĐZ 220kV vượt xa lộ Hà Nội (TP. HCM); ĐZ 500kV di dời lưới điện qua khu Nhà Bè MetroCity (TP.HCM).

Không chỉ thành công trong lĩnh vực xây lắp điện, PCC1 đang là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất kết cấu thép mạ kẽm và cũng là đơn vị duy nhất tại Việt Nam có năng lực vừa thiết kế, chế tạo cột thép liên kết thanh đến 750kV và cột điện đơn thân 110kV, 220kV-1, 2, 4 mạch. Các sản phẩm này không chỉ phục vụ công trình điện, công trình viễn thông, giao thông trong nước mà còn xuất khẩu sang các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Pakistan và Ấn Độ.

Đối với lĩnh vực bất động sản, các dự án bất động sản của Công ty luôn được đánh giá là chất lượng tốt và chuẩn tiến độ. Với thực tế triển khai 03 dự án từ năm 2010 đến nay, PCC1 cũng đã khẳng định được uy tín của mình trước khách hàng và nhà đầu tư. Các dự án của PCC1 luôn được thị trường quan tâm, tiêu thụ trong thời gian ngắn do tiến độ thực hiện dự án nhanh, chất lượng sản phẩm tốt và đặc biệt là các dịch vụ sau đầu tư đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

Ngoài lĩnh vực xây dựng và sản xuất, PCC1 còn hoàn thiện chuỗi kinh doanh ngành điện với việc là chủ đầu tư của hàng loạt các nhà máy thủy điện tập trung tại các tỉnh Điện Biên, Cao Bằng với tổng công suất gần 200 MW, giá trị đầu tư gần 7.000 tỉ đồng.

8.2. So sánh tình hình tài chính và hoạt động của các công ty cùng ngành

Lĩnh vực xây lắp điện là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của PCC1, do vậy chúng tôi lựa chọn các doanh nghiệp cùng ngành xây lắp, xây dựng các công trình điện với PCC1 để so sánh. Tại Việt Nam hiện nay, ngoài PCC1 chỉ có một số ít Công ty có năng lực thi công các công trình điện cao áp đến 500kV có năng lực tương đương với PCC1 bao gồm: Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 (PCC2); Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (VNE); Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4 (PCC4); Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (SJE) và một số công ty có quy mô nhỏ khác.

Ngoài TCT CP Xây dựng điện Việt Nam (VNE) và Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (SJE) đã niêm yết, PCC2 và PCC4 đều chưa niêm yết nên có sự hạn chế trong việc thu thập thông tin của hai doanh nghiệp này. Ngoài ra, chúng tôi cũng thu thập thêm thông tin của các công ty có quy mô nhỏ đã niêm yết, với vốn điều lệ dưới 30 tỷ đồng.

Bảng so sánh PCC1 với các doanh nghiệp cùng ngành xây lắp, xây dựng các công trình điện theo BCTC kiểm toán năm 2015 như sau:

Bảng 14: So sánh với các công ty cùng ngành theo số liệu BCTC 2015 đã kiểm toán

Đơn vị: tỷ đồng

Mã CK	Tên Công ty	Vốn điều lệ 2015	Vốn chủ sở hữu 2015	Tổng tài sản 2015	Tổng Doanh thu 2015	LNST	LNST/VCSH 2015 (%)	LNST/TTS 2015 (%)
PC1	CTCP Xây lắp điện I	342	1.370	3.263	3.101	246	17,9%	7,5%
VNE	TCT CP Xây dựng Điện Việt Nam	824	1.021	1.871	1.044	100	9,8%	5,4%
SJE	CTCP Sông đà 11	116	418	1.364	1.135	95	22,8%	7,0%
VE1	CTCP Xây dựng điện VNECO 1	30	30	41	46	4	12,6%	9,1%
VE2	CTCP Xây dựng điện VNECO 2	22	28	67	84	6	20,7%	8,5%
VE4	CTCP Xây dựng điện VNECO 4	10	16	38	29	2	14,1%	6,1%

VE8	CTCP Xây dựng điện VNECO 8	18	22	46	49	3	14,7%	6,9%
-----	-------------------------------	----	----	----	----	---	-------	------

Bảng trên cho thấy hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu 2015 của PC1 đạt 17,9%; gấp 2 lần so với hệ số này của VNE nhưng thấp hơn hệ số này của SJE. Lợi nhuận sau thuế 2015/vốn chủ sở hữu bình quân của PCC1 còn cao hơn; 21,6%. Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản 2015 của PC1 là 7,5%; cao hơn so với VNE và SJE. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng, PCC1 đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, vốn đầu tư lớn vào các nhà máy thủy điện chưa sinh lời (dự kiến bắt đầu sinh lời vào quý IV 2016) nên các hệ số ROA và ROE năm 2015 bị ảnh hưởng khi so sánh với các đơn vị có đầu tư ít hơn như là VNE và SJE.

8.3. Triển vọng phát triển của ngành

Theo Đề án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030, việc phát triển lưới truyền tải 220kV, 500kV trong hệ thống điện quốc gia nhằm đảm bảo truyền tải điện từ các trung tâm điện lực tới các trung tâm phụ tải một cách an toàn, tin cậy và kinh tế là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành điện. Với tiềm năng của thị trường và với vị thế là doanh nghiệp đầu ngành xây lắp, trong tương lai, PCC1 sẽ có nhiều cơ hội phát triển.

Theo dự báo của tổ chức nghiên cứu quốc tế BMI, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng hạ tầng Việt Nam năm 2016 dự kiến đạt 9,85%, tốc độ tăng trưởng thực trung bình khoảng 6%/năm trong giai đoạn 2016 – 2024. Mặt khác, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê 6 tháng đầu năm 2016, giá trị sản xuất xây dựng đạt 456.000 tỷ đồng, trong đó khu vực ngoài nhà nước thực hiện đến 394,2 tỷ đồng. Giá trị sản xuất xây dựng 6 tháng đầu năm 2016 tăng trưởng 8,7% so với cùng kỳ năm trước. Đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài thì từ năm 2015, cả nước đã thu hút được khoảng 22,76 tỉ đô la Mỹ, trong đó, đầu tư vào lĩnh vực bất động sản đạt gần 2,4 tỉ đô la Mỹ. Đây là những thông tin rất khả quan cho thấy ngành xây dựng đang tăng trưởng tốt và còn tiếp tục tốc độ tăng trưởng khả quan trong tương lai.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Chiến lược phát triển của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành cũng như chính sách của Nhà nước. Trong suốt những năm tháng hoạt động, lịch sử của PCC1 luôn gắn liền với lịch sử và định hướng phát triển của ngành xây lắp điện. Công ty đã thực hiện nhiều công trình xây lắp của nhà nước, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng. Các công trình xây lắp của Công ty đã mang nguồn năng lượng điện đến khắp mọi miền Bắc, Trung, Nam của đất nước, từ thành thị đến nông thôn vùng sâu vùng xa, miền núi cao, hải đảo xa và cả trên vùng núi, đồng bằng của nước bạn Lào. Các lớp thế hệ nối tiếp của Công ty đã làm nên những dấu ấn đậm nét trên toàn bộ hệ thống mạng lưới vận hành và truyền tải điện Quốc gia bằng những dự án, công trình đường dây và trạm quy mô lớn, chất lượng cao như đường dây 500kV Vĩnh Tân- Sông Mây, đường dây 220kV Đắc Nông - Phước Long - Bình Long, đường dây 500kV Pleiku-Mỹ Phước-Cầu Bông, dự án đưa điện lưới ra huyện đảo Cô Tô và nhiều công trình khác.

Với khát vọng đến năm 2025 sẽ trở thành công ty hàng đầu Việt Nam, PCC1 đã hòa cùng xu thế hội nhập để xây dựng Báo cáo Chiến lược PCC1 giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn 2030. Ngoài việc tiếp tục khẳng định vững chắc thương hiệu dẫn đầu trong các phân khúc truyền thống như xây lắp công trình điện và sản xuất công nghiệp, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng sản xuất - kinh doanh ra thị trường khu vực Đông Nam Á dựa vào trình độ quản lý, tổ chức, sản xuất, công nghệ kỹ thuật tiên tiến, chuyên nghiệp và hợp tác chiến lược với đối tác nước ngoài. Công ty sẽ chủ động tìm kiếm phát triển thị trường quốc tế nhằm đưa PCC1 vào trong top 5 khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực thực hiện tổng thầu EPC các công trình điện và xây dựng công nghiệp.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tại thời điểm 30/9/2016, tổng số lao động của Công ty cổ phần Xây Lắp Điện I là 1.212 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Bảng 15: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 13/10/2016

Phân loại Lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
▪ Phân theo trình độ chuyên môn	1212	100%
- Trên đại học	14	1,16%
- Đại học	378	31,19%
- Cao đẳng, Trung cấp	173	14,27%
- Trình độ khác	647	53,38%
▪ Phân theo hình thức lao động	1212	100%
- Lao động gián tiếp	265	21,86%
- Lao động trực tiếp	947	78,14%

Nguồn : CTCP Xây Lắp Điện I

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Thực hiện nghỉ vào thứ 7 và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những vị trí quản lý được Công ty đưa ra các tiêu chí tuyển dụng cao nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Chính sách đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ và sự hiểu biết của người lao động. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Chính sách lương: Thu nhập người lao động bình quân toàn Công ty đạt 11.000.000 triệu đồng/người/tháng, vượt 5% so với kế hoạch năm đề ra, bằng 116% so với thu nhập bình quân năm 2014, tiền lương đều được chi trả kịp thời.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu, đánh giá các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động công ty.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Bảng 16: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

	Cổ tức năm 2014	Cổ tức năm 2015	Cổ tức năm 2016 (dự kiến)
--	-----------------	-----------------	------------------------------

Tỷ lệ cổ tức (% Vốn điều lệ)	20%	20%	20%
------------------------------	-----	-----	-----

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Chi tiết về tỉ lệ cổ tức trong hai năm gần nhất:

- Tháng 4 năm 2015, Đại hội Đồng cổ đông đã có quyết định mức trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2014 bằng 20% vốn Điều lệ, tương đương tỷ lệ phát hành 5:1 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Ngày 04/11/2015, Công ty đã có Công văn số 43/BC-PCC1-UBCK về báo cáo kết quả phát hành, theo đó, Công ty đã phát hành 4.019.931 cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương mức trả cổ tức bằng cổ phiếu là 20% vốn điều lệ.
- Tháng 4 năm 2016, Đại hội Đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết 02/NQ-PCC1 trong đó có phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015 bằng 20% vốn điều lệ, tương đương tỷ lệ phát hành 5:1 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cổ đông Công ty mẹ trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Ngày 27/06/2016, Công ty đã có Công văn số 1306/TB-PCC1 về báo cáo kết quả phát hành, theo đó, Công ty đã phát hành 6.833.810 cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương mức trả cổ tức bằng cổ phiếu là 20% vốn điều lệ.
- Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2016, Công ty đã thông qua mức trả cổ tức dự kiến năm 2016 là 20% vốn điều lệ.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND), được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Tài sản cố định khác	04 - 05 năm
Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

❖ **Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2015 là 11.000.000 đồng/người/tháng tăng 16% so với thu nhập bình quân năm 2014, 10.182.564 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành, phù hợp với kinh nghiệm và trình độ của lao động Công ty.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn tính đến thời điểm 31/12/2015 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc khai, nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất, tiền thuê đất và các loại thuế khác theo quy định của Nhà nước. Các mức thuế suất đang áp dụng cho Công ty là:

- Thuế Giá trị gia tăng đối với mặt hàng kinh doanh là 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

Bảng 17: Số dư các quỹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Quỹ đầu tư phát triển	34.219	39.244	47.787	38.388	45.303	56.806
Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.808	9.479	18.103	12.705	17.411	30.611
Tổng	40.027	48.724	65.890	51.093	62.715	87.417

Nguồn: BCTC riêng, BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2014, 2015, BCTC đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016 CTCP Xây lắp Điện I

❖ **Tổng dư nợ vay**

Công ty không có nợ quá hạn tại ngày 30/06/2016, chi tiết nợ vay ngắn và dài hạn như sau:

Bảng 18: Thông tin chi tiết nợ vay ngắn hạn của Công ty tại 30/06/2016

Đơn vị: Triệu đồng

	Hình thức đảm bảo	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016
Ngân hàng TMCP Ngoại thương	Tín chấp	-	49.369	3.756	64.198
Ngân hàng Shinhan – CN Hà Nội	Tín chấp	-	97.130	-	97.130
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tín chấp	-	56.676	23.610	75.671
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Mỹ đình	Tín chấp	15.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	Tín chấp	-	-	-	1.006
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Tín chấp	-	-	25.258	43.173
Công ty Tài chính CP Điện lực	Tín chấp	-	-	3.506	-
Các đối tượng khác	Tín chấp	-	891	6.930	8.828
Tổng		15.000	204.066	63.061	290.006

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016 CTCP Xây Lắp Điện I

Bảng 19: Thông tin chi tiết nợ vay dài hạn của Công ty tại 30/06/2016

Đơn vị: Triệu đồng

	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	Công ty mẹ		Hợp nhất	
				01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016
Ngân hàng TMCP Công thương	Ưu đãi của WB	180 tháng	Tài sản	139.096	250.677	139.096	250.677
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	Bằng lãi suất 12 tháng	180 tháng	Tài sản	57.916	78.592	57.916	78.592
Ngân hàng TMCP Tiên Phong			Tài sản	-	-	-	767
Ngân hàng BIDV	Ưu đãi của WB	180 tháng	Tài sản	-	-	264.447	372.708
Tổng				197.012	329.269	461.459	702.744

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016 CTCP Xây Lập Điện I

❖ **Tình hình công nợ hiện nay****Bảng 20: Tình hình công nợ của Công ty**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016
Các khoản phải thu						
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	245.753	570.549	742.156	364.122	665.148	886.115
Trả trước cho người bán ngắn hạn	119.289	224.965	193.698	164.439	253.998	220.345
Phải thu về cho vay ngắn hạn				-	-	2.000
Phải thu ngắn hạn khác	11.576	18.205	23.273	38.632	48.509	56.425
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.112)	(6.505)	(4.958)	(10.276)	(6.590)	(5.449)
Phải thu dài hạn				650	78.524	78.012

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016
khác						
Các khoản phải trả						
Phải trả người bán ngắn hạn	422.746	407.843	447.382	445.487	440.511	469.241
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.566	376.149	25.385	33.727	384.846	59.207
Thuế và các khoản phải nộp cho NN	87.841	70.965	36.912	106.362	93.158	53.298
Phải trả người lao động	40.369	33.418	11.417	69.455	66.322	30.786
Chi phí phải trả ngắn hạn	81.161	80.921	60.465	89.953	84.272	70.920
Phải trả ngắn hạn khác	38.110	25.844	23.219	55.173	41.998	37.298
Dự phòng phải trả ngắn hạn *	37.651	67.383	49.580	52.250	95.193	96.818
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.808	9.479	18.103	12.705	17.411	30.611
Phải trả dài hạn khác				139	242	395
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				2.664	3.100	7.438
Dự phòng phải trả dài hạn *	90.623	109.378	127.305	119.997	141.008	153.221

Nguồn : BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã kiểm toán PCCI năm 2014, 2015 ; BCTC riêng và hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của CTCP Xây Lắp Điện I

* Lưu ý:

Khoản dự phòng phải trả ngắn hạn và dự phòng phải trả dài hạn của Công ty được trích lập căn cứ theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả ngắn hạn và dự phòng phải trả dài hạn của Công ty chủ yếu là dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp và các công trình gia công cột thép. Cơ sở ghi nhận các

khoản dự phòng phải trả là 3% - 5% trên doanh thu được xác định chắc chắn, được khách hàng chấp nhận, căn cứ theo điều khoản bảo hành trên hợp đồng và xét đoán về khả năng bảo hành của Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

Năm 2015, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình và hoàn nhập trích trước dẫn đến khoản thu nhập khác tăng lên đến 40 tỷ đồng, gấp 10 lần so với năm 2014.

❖ Công nợ của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan

Hiện nay, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và người có liên quan không có khoản nợ nào đối với Công ty.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 21: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,57	1,46	1,60	1,64	1,65	1,73
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,00	1,09	1,24	1,00	1,09	1,24
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	51,61%	54,54%	50,02%	56,68%	58,01%	56,11%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	106,68%	119,99%	100,07%	130,83%	138,14%	127,84%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	4,21	5,78	3,08	3,66	4,48	2,33
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (lần)	1,59	1,27	0,51	1,48	1,16	0,46
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	15,21%	7,24%	13,51%	13,70%	7,92%	13,14%

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016	Năm 2014	Năm 2015	6 tháng 2016
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (%)	70,19%	19,82%	14,54%	62,34%	21,63%	14,07%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân (%)	24,24%	9,23%	6,95%	20,23%	9,20%	6,05%
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần (%)	19,29%	7,80%	14,35%	17,72%	9,07%	14,82%

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC riêng và BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của CTCP Xây Lập Điện I

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Bảng số liệu trên cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty đang ở mức tốt, trung bình dao động quanh mức 1,5 lần đến 1,7 lần. Để đảm bảo tốt khả năng thanh toán, trong năm Công ty luôn chủ động trong việc cân đối dòng tiền, đẩy nhanh tiến độ thanh quyết toán với chủ đầu tư, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ và không để tình trạng đọng vốn.

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty trong các năm đều lớn hơn 1 và có xu hướng tăng, cao hơn trung bình ngành (trung bình ngành theo tính toán của VCSC là 0,7) do các khoản tiền và tương đương tiền của năm 2015 cao hơn năm 2014 trong khi khối lượng hàng tồn kho giảm.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty mẹ cân đối trong khoảng từ 50% đến 58% từ năm 2014 đến nửa đầu năm 2016. Hệ số Nợ/Tổng tài sản của năm 2015 nhìn chung cao hơn so với năm 2014 là do trong năm 2015, Công ty được giải ngân vốn vay phục vụ cho dự án thủy điện.

Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu: Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 201 tỷ đồng năm 2015 lên hơn 341 tỷ đồng năm 2014 và gần 638 tỷ đồng đến thời điểm 30/6/2016, bên cạnh đó lợi nhuận chưa phân phối của 6 tháng đầu năm 2016 là 180 tỷ đồng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc giảm hệ số này.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng 38% trong năm 2015 so với năm 2014 do Công ty đã đẩy mạnh tốc độ thi công, thanh quyết toán, công tác bán hàng và giải phóng hàng tồn kho, tránh để đọng vốn.

Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) của Công ty có xu hướng giảm so với năm 2014 là do trong năm 2015, tài sản của Công ty tăng mạnh từ các hoạt động đầu tư. Công ty có khả năng duy trì vòng quay tổng tài sản lớn hơn 1 trong 2 năm 2014-2015 cho hiệu quả sử dụng tài sản cao.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2015, do không có lợi nhuận của lĩnh vực kinh doanh bất động sản nên các chỉ số của khả năng sinh lời có phần sụt giảm so với năm 2014, tuy nhiên các chỉ tiêu này vẫn giữ ở mức rất tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành. Sang 6 tháng đầu năm 2016, doanh thu và lợi nhuận từ dự án bất động sản PCC1 Complex được hạch toán dẫn đến Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần cao gần gấp đôi so với năm 2015.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**12.1. Hội đồng quản trị**

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh
I	Hội đồng quản trị			
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	1962	012298607	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Văn Tứ	1959	012025143	Thành viên HĐQT
3	Ông Võ Hồng Quang	1975	011374114	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Minh Đệ	1975	012720026	Thành viên HĐQT
5	Bà Nguyễn Thị Hương	1970	011547617	Thành viên HĐQT

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

Sơ yếu lý lịch các thành viên:**❖ Ông Trịnh Văn Tuấn**

1/ Họ và tên: Trịnh Văn Tuấn

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 05/07/1962

4/ Nơi sinh: Thanh Hóa

5/ CMND: 012298607, ngày cấp 25/01/2011, nơi cấp: Công An Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: 57 Tổ 13, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Đại học Bách khoa Hà Nội. Đã hoàn thành các khóa học CEO và CFO.

12/ Quá trình công tác:

- Từ 06/1999 đến 03/2001: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp xây dựng điện
- Từ 04/2001 đến 06/2002: Phó giám đốc Xí nghiệp lắp máy và xây dựng điện
- Từ 07/2002 đến 11/2002: P. kế hoạch-tổng hợp Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 12/2002 đến 10/2003: Trưởng ban BCHCT ĐZ500KV Pleiku-Đà Nẵng-CTCP Xây lắp điện I
- Từ 10/2003 đến 08/2005: Giám đốc Xí nghiệp lắp trạm và xây dựng dân dụng - PCC1
- Từ 09/2005 đến 09/2007: Chủ tịch HĐQT kiêm GD Cty CPTM xây lắp công nghiệp Thăng Long
- Từ 10/2007 đến 03/2010: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc PCC1
- Từ 04/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc PCC1

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1. Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện I – Mã chứng khoán PCI): Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

13.2. Chức vụ tại tổ chức khác:

* Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 Miền Nam; Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Nàng Hương; Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh.

* Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa phẩm phụ gia Việt Nam; Công ty CP Đầu tư An Phú; Công ty CP thủy điện Trung Thu; Công ty CP Đầu tư thủy điện Cao Bằng; Công ty CP thủy điện Bảo Lâm; Công ty CP Lắp máy Công nghiệp Việt Nam; Công ty CP Đầu tư địa ốc Mỹ Đình; Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát; Công ty CP Hoàng Gia Cao Bằng

* Ủy viên HĐQT Công ty CP Gang thép Cao Bằng

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 15.679.922 cổ phần, chiếm 20,83 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 15.679.922 cổ phần, chiếm 20,83 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Cam kết nắm giữ 15.679.922 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 7.839.961 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Vợ - Bà Lê Thị Thoi, nắm giữ: 1.712.519 CP, chiếm 2,28 % vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ Ông Vũ Văn Tứ

1/ Họ và tên: Vũ Văn Tứ

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 04/11/1959

4/ Nơi sinh: Hà Nam

5/ CMND: 035059000423, ngày cấp 11/05/2016, nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: P. Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

12/ Quá trình công tác:

- Từ 12/1993 đến 08/1999: Đội phó đội xây lắp điện 2 - Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 09/1999 đến 08/2005: Tổng đội trưởng tổng đội xây lắp điện 2 - Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 09/2005 đến 04/2006: Giám đốc XN xây lắp điện-Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 05/2006 đến 09/2007: Phó tổng giám đốc Công ty Xây lắp Điện I
- Từ 10/2007 đến 03/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây lắp Điện I
- Từ 04/2010 đến 04/2015: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây lắp Điện I
- Từ 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xây lắp Điện I

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện I – Mã chứng khoán PCI): Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):

* Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Hà Nội; Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 – Hoàng Mai.

* Ủy viên HĐQT Công ty CP khoáng sản Tấn Phát

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 206.304 cổ phần, chiếm 0,27 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 206.304 cổ phần, chiếm 0,27 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 206.304 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 103.152 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Mối quan hệ: Con - Ông Vũ Anh Hiếu, nắm giữ: 50.000 cổ phần, chiếm 0,066 % vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ Ông Võ Hồng Quang

1/ Họ và tên: Võ Hồng Quang

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 17/01/1975

4/ Nơi sinh: Hà Giang

5/ CMND: 012720026, ngày cấp 02/07/2004, nơi cấp: Công An Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Số 8 ngách 1/5 Ngõ 1 Nhân Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

12/ Quá trình công tác:

- 7-2001 đến 5-2002: Phó phòng Marketing Công ty Xây lắp Điện 1
- 6-2002 đến 6-2007: Trưởng Ban đại diện Miền Nam Công ty Xây lắp Điện 1
- 05-2006 đến 03 -2008: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Ban đại diện Miền Nam Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1.

- 04-2008 đến nay: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Xây lắp Điện 1, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV XLĐ1 Miền Nam.

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện 1– Mã chứng khoán ...): Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)): Giám đốc Công ty TNHH MTV XLĐ1 Miền Nam

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 1.653.554 cổ phần, chiếm 2,20 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 1.653.554 cổ phần, chiếm 2,20 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 1.653.554 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 826.777 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Mối quan hệ: Vợ - Bà Nguyễn Thị Dung, nắm giữ: 149.168 CP, chiếm 0,198 % vốn điều lệ.

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

❖ Ông Nguyễn Minh Đệ

1/ Họ và tên: Nguyễn Minh Đệ

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 13/01/1975

4/ Nơi sinh: Hà Nội

5/ CMND: 012025143, ngày cấp 10/02/2009, nơi cấp: Công An Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Phòng 508-CT1 khu nhà ở và dịch vụ Nàng Hương, phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

12/ Quá trình công tác:

- Từ năm 1999-2000: Chỉ huy trưởng 4/7 TBA 110KV dự án Phú Mỹ (Phòng Marketing) - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ năm 2000-2001: Chỉ huy trưởng TBA 220KV Bắc Giang, Sóc sơn (Phòng Marketing) - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ năm 2001-2002: Chỉ huy trưởng TBA 110Kv Đức Phổ, Thăng Bình và một số dự án khác (P.KH tổng hợp) - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 2003 – 2005: Trưởng phòng kỹ thuật - Xí nghiệp xây lắp điện và công trình công nghiệp
- Tháng 10/2005: Phó phòng kỹ thuật - Công ty CP Xây lắp điện I.
- Từ 11/2005 đến 09/2006: P. Giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật - Công ty CP thương mại xây lắp công nghiệp Thăng Long
- Từ 10/2006 đến 07/2008: Giám đốc - Công ty CP thương mại xây lắp công nghiệp Thăng Long
- Từ 07/2008 đến 04/2009: TP kỹ thuật công nghệ - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 04/2009 đến nay: ; Giám đốc - Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh
- Từ tháng 4/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây Lắp Điện I
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty CP Xây lắp điện I

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện I – Mã chứng khoán ...): Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):

** Giám đốc Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh*

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 1.149.138 cổ phần, chiếm 1,53% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*

+ Cá nhân sở hữu: *1.149.138 cổ phần, chiếm 1,53% vốn điều lệ*

15/ Các cam kết nắm giữ: *Cam kết nắm giữ 1.149.138 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 574.569 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.*

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không có.

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

❖ **Bà Nguyễn Thị Hương**

1/ Họ và tên: Nguyễn Thị Hương

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 16-03-1970

4/ Nơi sinh: Hà Nội

5/ CMND: 011547617, ngày cấp 06/01/2006, nơi cấp: Công An Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: P1702, CT1 Chung cư Nàng Hương số 583 Nguyễn Trãi, Văn Quán, Hà Đông – HN

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Quản trị kinh doanh

12/ Quá trình công tác:

- Từ năm 1996 đến 2002: Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Công ty CP xây lắp điện 1
- Từ năm 2002 đến 2005: Phó phòng Kế hoạch - Công ty CP xây lắp điện 1
- Từ năm 2008 đến nay: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP xây lắp điện 1
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên HĐQT – Công ty CP Xây lắp điện 1

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện I – Mã chứng khoán PC1): Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác): không có

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 998.665 cổ phần, chiếm 1,33 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 998.665 cổ phần, chiếm 1,33 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: *Cam kết nắm giữ 998.665 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 499.333 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.*

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

16.1 *Mối quan hệ: Bố đẻ – Ông Nguyễn Quang Châu, nắm giữ: 22.400 CP, chiếm 0,03 % vốn điều lệ*

16.2 *Mối quan hệ: Anh trai – Ông Nguyễn Quang Hưng, nắm giữ: 20.717 CP, chiếm 0,028 % vốn điều lệ*

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

12.2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	1962	012298607	Tổng Giám đốc
2	Ông Vũ Văn Tứ	1959	011374114	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Đặng Văn Nghĩa	1959	012720026	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Võ Hồng Quang	1975	011563294	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Nhật Tân	1967	017317789	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Minh Đệ	1975	012025143	Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

Sơ yếu lý lịch các thành viên:

❖ **Ông Trịnh Văn Tuấn:** đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

❖ **Ông Vũ Văn Tứ:** đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

❖ **Ông Đặng Văn Nghĩa:**

1/ Họ và tên: Đặng Văn Nghĩa

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 29/09/1959

4/ Nơi sinh: Hà Nam

5/ CMND: 011563294, ngày cấp 13/10/2005, nơi cấp: Công An Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: P202, CC671 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email: nghiadv@pcc1.vn

11/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

12/ Quá trình công tác:

- Từ 10-1992 đến 9-2003: Đội trưởng Xí nghiệp xây lắp trạm CTCP Xây lắp điện I
- Từ 10-2003 đến 9-2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp xây lắp trạm CTCP Xây lắp điện I
- Từ 10-2007 đến 9-2008: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần xây lắp điện I
- Từ 10-2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Điện I

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện I – Mã chứng khoán ...): Phó Tổng Giám đốc

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):

** Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I – Từ Liêm; Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I – Đại Mỗ*

** Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư thủy điện Cao Bằng.*

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 156.386 cổ phần, chiếm 0,21 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 156.386 cổ phần, chiếm 0,21 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 156.386 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 78.193 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

16.1. Mối quan hệ: Vợ – Bà Lê Ngọc Dung, nắm giữ: 6.132 CP, chiếm 0,008 % vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

❖ **Ông Võ Hồng Quang:** đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

❖ Ông Nguyễn Nhật Tân

1/ Họ và tên: Nguyễn Nhật Tân

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 20-05-1967

4/ Nơi sinh: Hà Giang

5/ CMND: 017317789, ngày cấp 27/09/2011, nơi cấp: Công An Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: 14/10 Bà Triệu, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email: tan.nn@pcc1.vn

11/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện - Thạc sỹ QTKD

12/ Quá trình công tác:

- Từ 05/1995 đến 04/1997: Trưởng chi nhánh điện Chiêm Hóa, điện lực Tuyên Quang
- Từ 05/1997 đến 09/1998: Trưởng phòng kinh doanh điện năng, điện lực Tuyên Quang
- Từ 10/1998 đến 06/2003: Phó giám đốc điện lực Tuyên Quang
- Từ 07/2003 đến 12/2003: Phó bí thư huyện ủy Na Hang, Tuyên Quang
- Từ 01/2004 đến 03/2004: Phó bí thư thường trực thị ủy Tuyên Quang
- Từ 04/2004 đến 04/2009: Chủ tịch UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
- Từ 05/2009 đến 03/2010: Phó giám đốc sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tuyên Quang
- Từ 04/2010 đến 05/2011: Phó giám đốc Công ty điện lực Tuyên Quang
- Từ 06/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây lắp Điện I

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện I – Mã chứng khoán PC1): Phó Tổng Giám đốc

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):

** Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I – Mỹ Đình, Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I- Miền Bắc*

** Ủy viên HĐQT Công ty CP thủy điện Bảo Lâm*

** Giám đốc Công ty CP đầu tư địa ốc Mỹ Đình*

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016), trong đó: 2.870.236 cổ phần, chiếm 3,81% vốn điều lệ

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 2.870.236 cổ phần, chiếm 3,81 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 2.870.236 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 1.435.118 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không có.

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

❖ Ông Nguyễn Minh Đệ: đã được trình bày tại mục Hội đồng quản trị

12.3. Ban kiểm soát

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	1975	012432568	Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	1982	001082001900	Thành viên
3	Ông Nguyễn Quang Vũ	1987	125225168	Thành viên
IV	Kế toán trưởng			
1	Bà Trần Thị Minh Việt	1976	002176000002	Kế toán trưởng

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

❖ Bà Nguyễn Thị Hải Hà

1/ Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Hà

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 05-11-1975

4/ Nơi sinh: Ninh Bình

5/ CMND: 037175000331, ngày 29/03/2016, nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về DC

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Tổ 4-Khu Chợ TT Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email: hanguyen@pcc1.vn

11/ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

12/ Quá trình công tác:

- Từ tháng 5/1998-01/2003: Chuyên viên phòng TCKT Công ty Xây lắp điện I
- Từ tháng 02/2003-5/2004: Phó phòng TCKT Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ tháng 6/2004 -10/2005: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ tháng 11/2005-4/2008: Chuyên viên phòng HCTH – Trung tâm đào tạo Bưu chính viên thông
- Từ tháng 5/2008-12/2009: Trưởng phòng TCKT – Công ty PCC1-Ba La
- Từ tháng 01/2010-3/2010: Chuyên viên phòng TCKT Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ tháng 4/2010 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện I – Mã chứng khoán ...): Trưởng Ban kiểm soát

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):

* Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư địa ốc Mỹ Đình.

* Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP gang thép Cao Bằng; Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 12.948 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 12.948 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 12.948 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 6.474 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

16.1 Mối quan hệ: Chồng - Ông Nguyễn Văn Trung, nắm giữ: 17.264 CP, chiếm 0,023% vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

❖ **Ông Nguyễn Anh Tuấn**

1/ Họ và tên: Nguyễn Anh Tuấn

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 23-07-1982

4/ Nơi sinh: Hà Nội

5/ CMND: 001082001900, ngày 21/05/2014, nơi cấp: Công An Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Số 7 ngách 47/1, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế năng lượng

12/ Quá trình công tác:

- Từ tháng 01/2010 đến tháng 03/2015: Chuyên viên Phòng Kinh tế Kế hoạch
- Từ tháng 05/2015 đến nay: Phó phòng kinh tế kế hoạch - Công ty CP xây lắp điện 1
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện 1 – Mã chứng khoán PC1): Thành viên Ban kiểm soát

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)): Không có.

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 39.895 cổ phần, chiếm 0,05 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 39.895 cổ phần, chiếm 0,05 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 39.895 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 19.948 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không có.

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

❖ **Nguyễn Quang Vũ**

1/ Họ và tên: Nguyễn Quang Vũ

2/ Giới tính: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh: 19-5-1987

4/ Nơi sinh: Bắc Ninh

5/ CMND: 125225168, ngày 28/08/2006, nơi cấp: Công An Bắc Ninh

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Căn 907, nhà CT3, CC PCC1 Hà Đông, P. Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email: vunq@pcc1.vn

11/ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, kế toán tổng hợp

12/ Quá trình công tác:

- Từ tháng 07-2010 đến nay: Cán bộ kỹ thuật - Công ty CP Xây Lắp Điện 1
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Xây Lắp Điện 1

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện 1 – Mã chứng khoán ...): Thành viên Ban kiểm soát

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)): Không có

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là *18.505 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn điều lệ*, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*

+ Cá nhân sở hữu: 18.505 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 18.505 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 9.253 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

16.1 Mối quan hệ: Vợ - Bà Trần Thị Lan Phương, nắm giữ: 37.333 CP, chiếm 0,050 % vốn điều lệ

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

12.4. Kế toán trưởng

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh
1	Bà Trần Thị Minh Việt	1976	002176000002	Kế toán trưởng

1/ Họ và tên: Trần Thị Minh Việt

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 16-01-1976

4/ Nơi sinh: Hà Giang

5/ CMND: 002176000002, ngày 29/8/2013, nơi cấp: Công An Hà Nội

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: Số 8, ngõ 87, Lê Văn Hiến, P.Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

9/ Số điện thoại công ty: 0438456329

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

12/ Quá trình công tác:

- Từ năm 2000 đến 4/2003: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán – Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp Điện
- Từ tháng 4/2003 đến 10/2006: Phó phòng Tài chính Kế toán – Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp Điện
- Từ tháng 5/2006 đến 9/2007: Chuyên viên P.TCKT- Công ty CP Xây lắp Điện I
- Từ tháng 10/2007 đến 3/2014: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty CP Xây lắp Điện I

- Từ tháng 4/2014 đến nay: Kế toán trưởng – CTCP Xây lắp điện I

13/ Các chức vụ công tác hiện nay:

13.1 Chức vụ tại tổ chức niêm yết (Công ty CP Xây lắp Điện I – Mã chứng khoán PCI): Kế toán trưởng

13.2 Chức vụ tại tổ chức khác (ghi rõ tên và mã chứng khoán của tổ chức khác (nếu có)):

* Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Hóa phẩm phụ gia Việt Nam

14/ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 13/10/2016) là 78.557 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 78.557 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ

15/ Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 78.557 cổ phần trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết, nắm giữ 39.279 cổ phần trong 06 tháng tiếp theo.

16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Không có.

17/ Những khoản nợ đối với Công ty: Không

18/ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động Công ty.

19/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

20/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

13. Tài sản

13.1 Tài sản cố định hữu hình

Bảng 22: Danh sách tài sản của Công ty tại thời điểm 30/06/2016

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	115.402	48.304		295.126	99.590	
Nhà cửa vật kiến trúc	32.305	14.855	45,98%	62.373	19.488	31,24%
Máy móc thiết bị	46.577	13.541	29,07%	154.027	42.830	27,81%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	31.973	18.978	59,36%	70.824	35.031	49,46%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.505	926	20,56%	7.274	2.141	34,12%
TSCĐ khác	396	3	0,92%	627	100	16,04%
2. Tài sản cố định vô hình	1.218	1.108		10.914	1.108	

Giá trị quyền sử dụng đất	1.108	1.108	100,00%	10.634	1.108	10,42%
Phần mềm máy tính	109,9	0	0%	279,286	0	0%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016 CTCP Xây Lắp Điện I

Quy mô tài sản cố định của Công ty tại 30/6/2016 khá nhỏ, nguyên giá chỉ hơn 295 tỷ, giá trị còn lại hơn 100 tỷ đồng so với tổng tài sản 3.569 tỷ đồng. Tài sản cố định chủ yếu của Công ty là giá trị nhà cửa, vật kiến trúc là trụ sở làm việc của văn phòng công ty và các công ty con. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị còn lại thấp, nhiều máy móc thiết bị thuộc công ty con là các đơn vị trực tiếp hoạt động xây lắp, sản xuất. Tài sản vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính đều đã gần hết khấu hao.

Bảng 23: Một số tài sản máy móc thiết bị Công ty đang sở hữu

STT	Máy thi công	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sử dụng
1	Khinh khí cầu điều khiển từ xa	Bộ	2	Trung Quốc	
2	Thiết bị bay Navi-Fly	Bộ	2	Việt Nam	
3	Máy tời thủy lực 18 tấn	Máy	1	Trung Quốc	2010
4	Máy tời thủy lực 9 tấn	Máy	2	Trung Quốc	2010
5	Máy tời thủy lực 6 tấn	Máy	9	Trung Quốc	2013
6	Mã hãm thủy lực 2x3.5 tấn	Máy	3	Trung Quốc	2013
7	Máy hãm thủy lực 3 tấn	Máy	19	Trung Quốc	2013
8	Máy ép thủy lực 100 tấn	Máy	9		
9	Máy tời 5 tấn (lấy độ võng)	Máy	9		
10	Máy tời 5 tấn (lắp dựng cột)	Máy	5		
11	Máy tời 3 tấn (lắp dựng cột)	Máy	1		
12	Máy tời 4 tấn	Máy	2		
13	Máy sấy khô + Máy nén khí	Máy	1	Mỹ	2015
14	Máy hút chân không Dilo	Máy	1	Đức	2015
15	Máy lọc dầu 8000 lít/giờ	Máy	1	Nhật	2015
16	Máy đẩy cáp	Máy	4		
17	Máy xử lý khí SF6 và dụng cụ	Máy	1	Đức	2016

13.2 Tài sản là Quyền sử dụng đất

Bảng 24: Đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu	Đơn vị quản lý, sử dụng	
1	18 Lý Văn Phúc, quận Đống Đa, Hà Nội	510,00	Giấy CNQSD đất số BD985403 cấp ngày 16/03/2011	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 01/01/2016 đến 01/01/2066	Trụ sở làm việc	
2	471 đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	1.187,55	Giấy CNQSD đất số A007582 ngày 15/9/1990	Đang gia hạn thời gian	PCC1 – Hoàng Mai	
3	Dự án Mỹ Đình Plaza - Phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	825,8	Giấy CNQSD đất số BR 888558 cấp ngày 12/08/2014	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 30/01/2011 đến 30/01/2061	Mỹ Đình Plaza - Tầng 01-01 Dự án trung tâm TM và nhà ở để bán	
4		213,7	Giấy CNQSD đất số BR 888566 cấp ngày 12/08/2014	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 30/01/2011 đến 30/01/2061	Mỹ Đình Plaza - Tầng 01-02 Dự án trung tâm TM và nhà ở để bán	
5		840,2	Giấy CNQSD đất số BR 888568 cấp ngày 12/08/2014	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 30/01/2011 đến 30/01/2061	Mỹ Đình Plaza - Tầng 02-01 Dự án trung tâm TM và nhà ở để bán	
6		869,2	Giấy CNQSD đất số BR 888585 cấp ngày 12/08/2014	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 30/01/2011 đến 30/01/2061	Mỹ Đình Plaza - Tầng 02-02 Dự án trung tâm TM và nhà ở để bán	
7		840,2	Giấy CNQSD đất số BR 888586 cấp ngày 12/08/2014	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 30/01/2011 đến 30/01/2061	Mỹ Đình Plaza - Tầng 03-01 Dự án trung tâm TM và nhà ở để bán	
8		869,2	Giấy CNQSD đất số BR 888588 cấp ngày 12/08/2014	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 30/01/2011 đến 30/01/2061	Mỹ Đình Plaza - Tầng 03-02 Dự án trung tâm TM và nhà ở để bán	
9		Phường Đại Mỗ, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	3.192,70	QĐ số 2741/QĐ_UBND ngày 07/7/1989	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 01/01/2016 đến 01/01/2066	PCC1 – Đại Mỗ; PCC1 – Miền Bắc và Tổng đội xây lắp điện 8
10		Phường Xuân Phương, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	6.475,00	Giấy CNQSD đất số BD985404 cấp ngày 16/03/2011	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 01/01/2016 đến 01/01/2066	Trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc
11	Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	2.903,40	QĐ số 2947/QĐ-UBND ngày 02/7/2012	Đang gia hạn thời gian	Tổng đội xây lắp điện 4 – kho PCC1, kho PCC1 Mỹ Đình, và PCC1 Hà Nội	
12	Xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	9.629	Giấy CNQSD đất số BD985402 cấp	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 01/01/2016 đến	Trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc	

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu	Đơn vị quản lý, sử dụng
			ngày 16/03/2011	01/01/2066	
13	Phường Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội	812,5	QĐ số 3539/QĐ-UBND ngày 03/03/2014	Đất thuê 25 năm kể từ ngày 05/4/2005 đến 31/12/2030	Văn phòng làm việc
14	Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	1.202	Giấy CNQSD đất số BI486896 cấp ngày 31/01/2013	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 08/10/2007 đến 08/10/2057	Công ty mẹ (CT1 Khu nhà ở và TMDV Nàng Hương: khu TM tầng 1 và tầng 2)
15		933	Giấy CNQSD đất số BI486896 cấp ngày 31/01/2013	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 08/10/2007 đến 08/10/2057	Công ty mẹ (CT2 Khu nhà ở và TMDV Nàng Hương: quản lý tòa nhà tầng 1, nhà trẻ tầng 1, khu văn phòng tầng 2)
16	Phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội	1.193,50	QĐ số 425-QĐ/XDCB ngày 12/8/1977	Đang gia hạn thời gian	PCC1 Hà Đông
17	Phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình	2.748,90	HĐ thuê đất số 79 ngày 25/11/1997	Đang gia hạn thời gian	Tổng đội xây lắp điện I
18	Xã Mai Sơn, Yên Mô, Ninh Bình	29.371,60	Giấy CNQSD đất số AM254483 cấp ngày 08/12/2009	Đất thuê 33 năm kể từ ngày 16/11/2009 đến 16/11/2042	Tổng đội xây lắp điện 6
19	44 Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	5.730	HĐ thuê đất số 121/2006/HB ngày 21/8/2006	Đất thuê 30 năm kể từ ngày 09/12/2004 đến 09/12/2034	CTCP Cơ khí Ô tô Hòa Bình
20	Xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	60,4	Quyết định số 1130/2006/QĐ-UB/cấp ngày 13/12/2010	Đất thổ cư, vĩnh viễn	NM Yên Thường
21		62,2	Quyết định số 353/QĐ-UB/0003/2007 ngày 13/12/2010	Đất thổ cư, vĩnh viễn	NM Yên Thường
22	Phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	3.138	Giấy CNQSD đất số A007582 cấp ngày 15/09/1990	Đất thuê 30 năm kể từ ngày 01/01/2016 đến 01/01/2046	Nhà làm việc, xưởng sửa chữa nhà ở CBCNV

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo**14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016, 2017****Bảng 25: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức hợp nhất năm 2016 và 2017**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2015	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2016
Doanh thu thuần	3.100.858	3.800.409	22,56%	3.852.432	1,37%
Lợi nhuận sau thuế	245.598	304.856	24,13%	325.564	6,79%
Vốn chủ sở hữu	1.370.385	1.963.311	43,27%	2.566.675	30,73%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,92%	8,02%	1,26%	8,45%	5,37%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	21,63%	18,29%	-15,45%	14,37%	-21,41%
Cổ tức	20%	20%	0,0%	20%	0,00%

Nguồn: CTCP Xây Lắp Điện I

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên của Công ty được lập căn cứ vào các dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin và giả định có được tại thời điểm lập kế hoạch.

Lưu ý: Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 43,27% từ hơn 1.370 tỷ đồng lên hơn 1.963 tỷ đồng là do trong năm 2016, Công ty đã phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược với giá phát hành là 33.000 đồng/cổ phiếu, thu về 264 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần. Ngoài ra, khoản lợi nhuận sau thuế năm 2016 dự kiến 304 tỷ đồng cũng đóng góp cho phần tăng này.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**Bảng 26: Chi tiết kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**

Đơn vị: triệu đồng

Các chỉ tiêu cơ bản	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017	
	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Kế hoạch	6 tháng 2016	6 tháng 2016/ KH 2016	Kế hoạch	Năm 2017/ năm 2016
Doanh thu	2.910.397	3.100.858	106,5%	3.802.409	1.572.806	41,4%	3.852.433	101,3%
Xây lắp	1.912.575	2.336.758	122,2%	2.468.849	829.390	33,6%	2.164.935	87,7%
Sản xuất công nghiệp	769.832	658.664	85,6%	717.649	226.422	31,6%	612.335	85,3%
Bất động sản	48.021	-	0,0%	529.440	420.580	79,4%	63.889	12,1%

Các chỉ tiêu cơ bản	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017	
	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Kế hoạch	6 tháng 2016	6 tháng 2016/ KH 2016	Kế hoạch	Năm 2017/ năm 2016
Thủy điện	-	-	-	27.300	0	0,0%	282.071	-
Tư vấn kinh doanh khác	29.969	34.956	116,6%	44.171	96.413	218,3%	212.303	480,6%
Khai thác khoáng sản	100.000	64.052	64,1%	-	-	-	-	-
Lắp máy	50.000	6.428	12,9%	15.000	-	-	16.900	112,7%
Sản xuất từ lĩnh vực đầu tư mới							500.000	-
Lợi nhuận sau thuế	150.415	245.598	163,3%	304.856	206.692	67,8%	325.564	106,8%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	5,2%	7,9%	153,4%	8,0%	13,1%	163,9%	8,5%	105,4%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	44,0%	72,0%	163,6%	42,0%	32,4%	77,2%	44,4%	105,8%
Lãi cơ bản/cổ phần (EPS)	4.390	7.200	164,0%	4.162	3.239	77,8%	4.326	106,8%
Vốn điều lệ	341.695	341.695	100,0%	732.480	637.822		752.262	100,0%

Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

Kế hoạch kinh doanh năm 2016 và năm 2017 của Công ty được xây dựng trên cơ sở dự đoán kinh tế Việt Nam và thế giới sẽ tiếp tục hồi phục, kéo theo sự tăng trưởng của ngành xây lắp điện và xây dựng. Năm 2016 là năm đầu tiên PCC1 triển khai Chiến lược phát triển 2016 – 2020, tầm nhìn 2030. Cùng với triển vọng tăng trưởng kinh tế vĩ mô, với mục tiêu chiến lược đã được Công ty nghiên cứu và xây dựng, Công ty đã chi tiết kế hoạch doanh thu lợi nhuận và cổ tức theo bảng trên một cách sát thực nhất.

Năm 2016 và 2017 Công ty tập trung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

❖ **Đối với lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp**

PCC1 dự phóng doanh thu xây lắp và sản xuất công nghiệp dựa trên các hợp đồng Công ty đã thương lượng, đã ký kết và có khả năng trúng thầu, và dự kiến hoàn thành trong năm 2016, 2017 để ghi nhận doanh thu. 6 tháng đầu năm 2016, Công ty đã hoàn thành trên 30% kế hoạch của lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp. Cũng phải lưu ý rằng, đặc thù của ngành xây lắp và sản xuất công nghiệp doanh thu thường được ghi nhận vào cuối năm.

❖ **Đối với lĩnh vực bất động sản**

Doanh thu bất động sản là doanh thu ghi nhận từ dự án PCC1 Complex và doanh thu từ cho thuê mặt bằng tại dự án Nàng Hương, Mỹ Đình Plaza. Tính đến 6 tháng năm 2016, Công ty đã ghi nhận 420 tỷ doanh thu từ kinh doanh và chuyển nhượng bất động sản, bằng 79% kế hoạch năm 2016. Ngoài ra, Công ty kế hoạch khởi công dự án Mỹ Đình Plaza 2 trong tháng 4/2016, hoàn thành và bàn giao căn hộ từ quý 4/2017 đến quý 1/2018.

❖ Đối với lĩnh vực thủy điện

Hai dự án thủy điện Trung Thu và Bảo Lâm 1 đã và đang hoàn thành tiến độ và dự kiến đi vào vận hành phát điện trong quý IV năm 2016. PCC1 dự kiến hai dự án thủy điện này sẽ mang lại doanh thu 27,3 tỷ cho Công ty trong năm 2016 và 282 tỷ năm 2017.

❖ Đối với hoạt động khai thác khoáng sản và lắp máy

Đây là hai hoạt động phát triển mới của Công ty nhằm mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghiên cứu thị trường. Đối với lĩnh vực khai thác khoáng sản, Công ty đã thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát, chiếm 48,8% vốn điều lệ là bước đệm dần thân vào lĩnh vực khoáng sản.

PCC1 đã xây dựng tổng đội lắp máy mới tại CTCP Lắp máy công nghiệp Việt Nam, sẽ chuyên trách cung cấp dịch vụ lắp máy đối với máy móc thiết bị của các dự án thủy điện, với mục tiêu xây dựng thành đơn vị có đủ năng lực để thực hiện các dự án lắp máy lớn. Dự kiến doanh thu lắp máy 2016 là 15 tỷ đồng và năm 2017 là 16,9 tỷ đồng.

Dự kiến năm 2017, Công ty có thêm doanh thu từ lĩnh vực sản xuất vật tư thiết bị điện là sản xuất từ lĩnh vực đầu tư mới, với đóng góp 500 tỷ đồng vào doanh thu.

Kết luận:

6 tháng đầu năm, PCC1 đạt được lợi nhuận 206,5 tỷ đồng hoàn thành 67,8% kế hoạch năm 2016. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm càng khẳng định khả năng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, cổ tức của Công ty trong năm 2016.

14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 trong đó có kế hoạch đầu tư vào dự án thủy điện Mông Ân (Bảo Lâm 4) và dự án Mỹ Đình Plaza 2.

- **Dự án Thủy điện Mông Ân (Bảo Lâm 4)**
 - Địa chỉ: huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng
 - Công suất: 30MW
 - Tổng mức đầu tư dự kiến: 900 tỷ đồng
 - Nguồn vốn: vốn tự có và vốn vay ngân hàng và vốn vay ngân hàng thế giới WB
 - Thời gian thực hiện: 2018
- **Dự án: Tòa nhà Trung tâm thương mại, văn phòng, căn hộ chung cư và các chức năng công cộng khác (Mỹ đình 02).**
 - Địa chỉ : Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Diện tích đất : 5000 m²
- Chiều cao công trình : 28 tầng và 01 tầng tum
- Dự kiến khởi công : Quý 1/2016, hoàn thành 2018
- Dự kiến bán hàng : Q4/2016

14.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có)

Công ty không có kế hoạch tăng vốn điều lệ tại thời điểm lập bản cáo bạch này.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, VCSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I nhằm đưa ra những đánh giá về dự phóng hoạt động kinh doanh mà Công ty đã xây dựng.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

PCC1 không có những cam kết chưa thực hiện liên quan đến hợp đất, trái phiếu chuyển đổi, và các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu.

17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng.

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

75.262.914 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

- Căn cứ quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó

Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

- Theo Phương án phát hành cổ phiếu riêng rẽ cho cổ đông chiến lược, cổ phiếu của cổ đông chiến lược Vietnam Enterprise Investments Limited (‘VEIL’) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 11.480.718 cổ phiếu sở hữu trong vòng 01 năm kể từ ngày 12/09/2016. Chi tiết như sau:

Bảng 27: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu

STT	Tên	Số lượng cổ phần bị hạn chế	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	15.679.922	Cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% trong thời gian 06 tháng tiếp theo
2	Ông Vũ Văn Tứ	206.304	
3	Ông Võ Hồng Quang	1.653.554	
4	Ông Nguyễn Minh Đệ	1.149.138	
5	Bà Nguyễn Thị Hương	998.665	
6	Ông Đặng Văn Nghĩa	156.386	
7	Ông Nguyễn Nhật Tân	2.870.236	
9	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	12.948	
10	Ông Nguyễn Anh Tuấn	39.895	
11	Ông Nguyễn Quang Vũ	18.505	
12	Bà Trần Thị Minh Việt	78.557	
13	Vietnam Enterprise Investments Limited	11.480.718	
Tổng cộng		34.344.828	

5. Giá niêm yết dự kiến

36.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Công ty theo phương pháp thị trường, cụ thể là phương pháp so sánh hệ số P/E.

Chỉ số P/E được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) của cổ đông của công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/E với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 27/10/2016, thu nhập mỗi cổ phiếu được lấy theo EPS năm gần nhất (năm 2015).

Chỉ số P/E dùng để tính giá trị cổ phiếu Công ty sẽ dựa trên P/E bình quân của nhóm so sánh và kế hoạch kinh doanh 2016 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Công ty thông qua. Công ty đã có nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm 2016, các biện pháp này đã thể hiện thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 trên BCTC kiểm toán. Do đó, kế hoạch kinh doanh năm 2016 là hoàn toàn có cơ sở đạt được.

Đơn vị: đồng

	Số kế hoạch 2016 được ĐHĐCĐ thông qua	Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu	3.802.273.000.000	1.572.806.070.704	41,36%
Lợi nhuận sau thuế	304.856.000.000	206.692.090.261	67,80%

Ngày	Số lượng cổ phiếu lưu hành	Số lượng cổ phiếu bình quân
31/12/2015	34.169.053	53.378.633
20/6/2016	63.781.764	
10/09/2016	75.262.482	

Nhóm so sánh bao gồm các doanh nghiệp cùng ngành được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cụ thể gồm:

- Công ty cổ phần Sông Đà 11 (HNX: SJE): Xây lắp công trình điện và cơ sở hạ tầng đô thị
- Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (HOSE: VNE): Xây lắp công trình hệ thống lưới điện.
- Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp công nghiệp: Chế tạo và lắp đặt thiết bị công nghiệp, lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22kV.

Bảng 28: Bảng tính hệ số P/E bình quân

STT	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Sàn	Giá chốt	Số Lượng	LNST năm 2015	EPS	P/E
				phiên tại ngày 27/10/2016	Cổ Phiếu Lưu Hành 30/06/2016			
1	SJE	CTCP Sông Đà 11	HNX	28.500	11.553.105	95.223.141.519	8.242	3,46
2	VNE	Tổng công ty cổ phần Xây dựng Điện VN	HOSE	6.090	82.357.505	100.129.618.155	1.216	5,01
3	IME	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	Upcom	32.000	3.599.948	10.857.281.494	3.016	10,61
		Trung Bình						6,36

Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bình quân cả năm của PCC1 là:

$$\begin{aligned} \text{EPS} &= \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} \\ &= 304.856.000.000 / 53.378.633 = 5.711 \text{ (đồng/cổ phần)}. \end{aligned}$$

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu của Công ty} = \text{Hệ số P/E bình quân} * \text{EPS (PCC1)} = 36.322 \text{ (đồng)}$$

Dựa trên kết quả định giá nêu trên, Công ty dự kiến giá niêm yết là **36.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây Lắp Điện I hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

“b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác”

PCC1 có ngành nghề kinh doanh bắt buộc sản là ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, do vậy tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại PCC1 tối đa là 49%.

Tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch niêm yết này, chỉ có nhà đầu tư nước ngoài là Vietnam Enterprise Investment Limited (‘VEIL’) đang sở hữu 11.480.718 cổ phiếu của PCC1 tương đương với 15,254% vốn điều lệ của Công ty. Tỷ lệ này hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

Công ty đang nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, và thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2015, Công ty áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của Công ty.

Thuế Giá trị gia tăng: áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế Thu nhập cá nhân: Công ty và các cổ đông trong công ty khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu phải nộp thuế Thu nhập cá nhân theo các quy định hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính:

Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Sàn giao dịch:

Tòa nhà Vinatex – Tài nguyên, lầu 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax : (84-8) 3914 3209

236 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax : (84-8) 38216186

Chi nhánh Hà Nội:

Lầu 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 6262 6999 Fax : (84-4) 6278 2688

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: +84 4 3824 1990

Fax: +84 4 3825 3973

VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN**I. Các quy định chung**

1. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014
2. Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005
3. Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
4. Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006

II. Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán

1. Luật chứng khoán số 70/2006/QH11
2. Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
3. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
4. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.
5. Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
6. Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
7. Thông tư số 202 /2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán
8. Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM
9. Quyết định số 10/QĐ-SGDHCM ngày 13/01/2014 của TGD SGDCK TPHCM về việc Ban hành quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

III. Các văn bản liên quan đến thuế

1. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008
2. Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp
3. Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012
4. Nghị định 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/06/2013 hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân
5. Nghị định 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/02/2015 quy định chi tiết một số điều của các luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2016

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Tuấn

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hải Hà

Trần Thị Minh Việt

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI
PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC KIỂM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI



Nguyễn Quang Bảo